

# "KHOÁN THỦ": một thú chơi thơ

## Tâm Minh Ngô Tằng Giao

Chơi thơ là một cái thú. Chơi thơ có nhiều cách khác nhau và một trong các cách đó là "khoán thủ". "Khoán thủ" là lối lấy những chữ trong đề mục làm chữ đầu những câu thơ.

Lối thơ "khoán thủ" này cũng tương tự như một lối "acrostiche" trong thơ Pháp hay "acrostic" trong thơ Anh, Mỹ.

Dictionnaire Encyclopédique Larousse định nghĩa "acrostiche" như sau:

"Pièce de vers composée de telle sorte qu'en lisant dans le sens vertical la première lettre de chaque vers on trouve le mot pris pour sujet, le nom de l'auteur ou celui du dédicataire."

Tạm dịch: Một bài thơ sắp xếp theo cách nào để khi đọc những chữ đầu của mỗi câu thơ theo chiều dọc người ta sẽ thấy được chủ đề, tên tác giả hay tên của người được đề tặng.

Tự điển Larousse trên cũng ghi lại một bài thơ loại "acrostiche" làm đề tặng Vua Louis XIV. Tác giả bài thơ là một anh chàng hết tiền, nghèo kiết xác, với hai túi rỗng:

*"Louis est un héros sans peur et sans reproche.  
On désire le voir. Aussitôt qu'on l'approche,  
Un sentiment d'amour enflamme tous les coeurs:  
Il ne trouve chez nous que des adorateurs;  
Son image est partout, excepté dans ma poche."*

(Tạm dịch: Louis là một vị anh hùng can trường và tài giỏi. Người ta muốn gặp Ngài. Khi gần Ngài một tình cảm thương yêu bùng nổ trong mọi con tim. Ở xứ tôi ai cũng khoái Ngài. Hình ảnh Ngài ở khắp mọi nơi ngoại trừ trong túi tôi).

Những chữ đầu câu trong 4 câu thơ trên nếu đọc theo chiều dọc sẽ ghép lại thành "LOUIS". Cũng cần biết thêm rằng tiền ở nước Pháp thời đó mang hình Vua Louis.

\*

Lãng Nhân cũng kể một giai thoại về cặp tình nhân thi sĩ rất nổi tiếng và cũng rất "tai tiếng" ở nước Pháp thời trước đây là chàng Musset và nàng George Sand. Hai người này đã trao đổi ý kiến với nhau bằng "acrostiche". Chàng Musset viết:

*"QUAND je vous fais, hélas, un éternel hommage  
VOULEZ- vous qu'un instant je change  
de langage  
VOUS seule possédez mon âme et mon coeur.  
QUE ne puis-je avec vous goûter le vrai bonheur  
JE vous aime, ma belle, et ma plume en délire  
COUCHE sur ce papier ce que je n'ose dire  
AVEC soin de mes vers lisez les premiers mots  
VOUS saurez quel remède apporter à mes  
maux..."*

Nếu ghép những chữ đầu những câu thơ trên lại theo chiều dọc ta có lời nhắn tin của Musset là "Quand voulez-vous que je couche avec vous" (Khi nào em muốn cho ta ăn nằm với em?)

G. Sand bèn trả lời bằng hai câu thơ:

*"CETTE grande faveur que votre ardeur réclame  
NUIT peut-être à l'honneur mais répond à ma  
flamme".*

Ghép hai chữ đầu câu lại là "Cette nuit" (Đêm nay!).

Lãng Nhân phỏng dịch lời "ong bướm" ước hỏi của A. Musset đại ý ra dưới đây:



**ĐÔNG VẼ** của **NGUYỄN SƠN** (Germany)

"**BAO** lâu từng ước ao  
**GIỜ** đổi giọng được sao!  
**NÀNG** đã ngự trong lòng,  
**THUẬN** tình ta luống mong  
**CHỜ** bút ta lên hương  
**TA** viết lời yêu đương  
**THỎA** được dạ ta cầu,  
**NGUYỆN** đọc chữ đầu câu..."

Ghép những chữ đầu câu ta có câu  
 ước hỏi: "Bao giờ nàng thuận cho ta thỏa  
 nguyện?" G. Sand đọc xong bèn trả lời:

"**ĐÊM** trường ai những ước mong  
**NAY** tuy e lệ mà lòng thắm ưa".

Ghép những chữ đầu câu ta có câu trả  
 lời: "Đêm nay!"  
 (Lãng Nhân, Chơi chữ, Zieles, XB 1979).

SỐ 65

Chúng tôi cũng dịch 2 bài thơ trên theo một  
 cách khác như sau, trong thú chơi thơ:

"**KHI** đã ngưỡng mộ từ lâu  
**NÀO** ai đổi giọng để dầu cho qua.  
**NÀNG** riêng chiếm ngự hồn ta,  
**THUẬN** chung hạnh phúc bao la trên đời.  
**ÁI** Khanh ơi! Đẹp tuyệt vời!  
**ÂN** tình ghi giấy, thốt lời dám đầu!  
**CÙNG** nhau đọc chữ đầu câu,  
**TA** mong Nàng chữa niềm đau trong lòng"  
 (Tâm Minh)

G. Sand đọc xong những chữ đầu câu  
 thấy Musset ngỡ ý hỏi "Khi nào nàng thuận  
 ái ân cùng ta?" bèn trả lời "Đêm nay!"

"**ĐÊM** ngày người ước khôn vơi  
**NAY** dù e ngại, ta thời ngóng trông!"  
 (Tâm Minh)

39

"Khoán thủ" trong Anh ngữ là "acrostic": "a composition usu. in verse in which one or more sets of letters (as the initial, middle, or final letters of the lines) when taken in order form a word, a connected group of words (as a sentence), or the regular sequence of the letters of alphabet". (Tạm hiểu là một bài văn, thường là thơ, trong đó một hay nhiều chữ ở đầu, ở giữa hay ở cuối dòng khi mang ghép lại với nhau sẽ thành ra một lời hay một câu mang một ý nghĩa gì đó...)

Như vậy hai lối chơi thơ "khoán thủ" của Pháp và Anh, Mỹ cũng giống nhau.

Sau đây là một bài thơ với chủ đề "Loneliness", không rõ tên tác giả:

*"Left, like a lost glove, in the deserted park  
On the littered, cropped grass,  
No one to notice her, no one to see.  
Evening chimes with a faint Angelus,  
Light fades and street lamps in the  
distance shine.  
In the town friends and lovers are meeting,  
Night will be her sole companion.  
Even the stars turn their faces away from her.  
Silence is swollen not broken by  
Sigh and murmur of faraway traffic".*

\*

Nhà thơ Việt Nam ta cũng có nhiều người hưởng ứng thú chơi thơ theo kiểu "khoán thủ" này. Trong tài liệu văn học người ta kể chuyện là nhà thơ Nguyễn Bính rất đa tình. Một hôm đến thăm người yêu và bất thình lình ôm người yêu để hôn. Nàng đẩy chàng ra và tỏ vẻ không bằng lòng về sự số sãng. Nguyễn Bính liền viết mấy câu thơ tạ lỗi:

*"ANH đi chẳng hẹn ngày về  
CHỈ thế ai buộc, tóc thế ai chôn  
MUỐN gì, em muốn gì hơn  
HÔN hoàng nay lại hoàng hôn mai ngày"*  
(Nguyễn Bính)

Nàng đọc kỹ lại bài thơ nhận thấy ngay bốn chữ ở đầu câu ghép lại là "Anh chỉ muốn hôn", nàng hiểu chàng muốn gì bèn mắng yêu: "Phải gió cái anh này!"

Rất tiếc là người yêu của Nguyễn Bính không biết làm thơ như người đẹp G.Sand của A. Musset bên Pháp thuở xa xưa nên đã không sử dụng lối chơi thơ "khoán thủ" mà trả lời. Để giúp nàng chúng ta có thể viết câu "Phải gió cái anh này" theo kiểu "khoán thủ" như sau:

*"PHẢI chi anh đứng đắn hơn  
GIÓ trăng lơ lửng, bươm xom hay gì!  
CÁI điều mong muốn nọ kia  
ANH nên chờ đợi đến khi đôi mình  
NÀY chồng này vợ vẹn tình!"*  
(Tâm Minh)

\*

Mượn lối chơi thơ "khoán thủ" trên có nhà thơ đã lấy chủ đề "Quê Hương":

*"Quyến luyến Quê Hương nguyện ước về,  
U sầu sống gửi tháng năm lê!  
Ê hề vật chất coi nhàm ngấy,  
Héo hắt tinh thần thấy chán ghê!  
Ư' ám trao lời phòng rắc rối  
Ơ' hờ tiếp khách tránh nhiều khê  
Nghinh tin thế cuộc cơ trời chuyển  
Gắng đợi hồi hương sớm tựa tề".*  
(Tô Giang Tử Nguyễn Quang Nhạ, 1984)

\*

Nếu lấy chủ đề "Chu Văn An" ta có bài thơ mang tựa là "Tình Nhớ" như sau:

*"Chùng như Em vẫn bên Anh,  
Hai hàng mi khép long lanh giọt sầu.  
U hoài dâng nghẹn đôi câu,  
Vòng tay áp ủ tình cầu yêu đương.  
Ăn sâu dáng nhỏ thân thương,  
Nụ hôn e ấp dư hương tuyệt vời.  
An bình tóc xỏa chơi vơi  
Nhớ nhung giăng mắc một đời thơ sinh!"*  
(Tâm Minh)

(Đặc San CVA Miền Đông Hoa Kỳ 1991)

CỎ THOM

## SINH-NHẬT EM, MÙA NOEL

Trời se lạnh và bầu trời trở xám  
Thoáng mưa phùn như mưa của Huế xưa  
Trong không khí có chút gì gọi nhớ  
Năm gần tàn, hay xuân sắp về qua

Mùa Noel đã bao lần rồi nhỉ  
Nếu em còn mình chắc sẽ ăn mừng  
Sinh nhật em chị sẽ làm chiếc bánh  
Rất ngọt ngào với tất cả tình thương

Chị sẽ làm nhân bằng vòng tay thân ái  
Sẽ trộn thêm ngàn lời nói ngọt ngào  
Sẽ vẽ lên mặt bao lời chúc tụng  
Sẽ cười vang lên, hạnh phúc biết bao

Chị sẽ không cần cân đo rắc rối  
Bánh yêu thương có ai chỉ được đâu  
Chị sẽ viền quanh bằng sợi dây kỷ niệm  
Gói ghém theo hạt thương nhớ muôn màu

Chị sẽ thắp nến, bao nhiêu cây em nhỉ?  
Đêm làm chi năm tháng vốn vô cùng  
Chị chỉ mong nến lung linh soi sáng  
Đường em đi trong cõi mộng lung

Sinh nhật em chị làm bài thơ nhỏ  
Đốt cho em vào lúc Chúa ra đời  
Nơi nào đó em sẽ cao giọng đọc  
Và sẽ nhâm nhi chiếc bánh chị mời

Chị sẽ ngăn không cho dòng lệ chảy  
Để bên kia không lưu luyến bên này  
Nhưng mà em, sao bỗng dưng má ướm  
Hình như mưa nhỏ xuống chị không hay.

**ĐẶNG LỆ KHÁNH**

SỐ 65

## YOUR BIRTHDAY, CHRISTMASTIDE

The sky has turned grey and the weather cold,  
It mildly drizzles like the kind of rain in Hue of old.  
There is something to cause longings in the air:  
The year is going to end or the spring to begin fair.

How many times since the last Christmas fête?  
Were you still alive, we would surely celebrate.  
For your birthday I would, with special complexion,  
Make a cake quite sweet with all my affection.

I would mix the stuffing with my warm feeling,  
Dress it with thousand mellifluous words appealing,  
Adorn the surface with letters of congratulatory glee  
And laugh resoundingly - how happy should we be!

It is needless to weigh or measure in order to bake,  
Whoever can instruct how to create a love cake?  
I would add an edge line as a thread of souvenir  
To encompass the multicolored seeds for my dear.

I would light the candles - how many pieces, well?  
But what's counting for, since time is in the sequel!  
I only wish that the candles would spark to lighten  
Your way in the misty world, salvation to heighten.

On your birthday I would write a small poem  
And burn it for you on God's descent as a proem  
So that at such a distant place you read it loudly  
Gnawing at the cake I prepared for you so proudly.

I would try to prevent my hot tears from falling  
So you're not too attached to the earth on recalling,  
But, my cheeks suddenly got wet from nowhere:  
It seems the rain is dripping, I am not even aware.

*Translation by*  
**THANH-THANH**

41

# QUAN NIỆM VỀ SỰ TẠO DỰNG VŨ TRỤ

## Của Người Dân Tây Phương Và Đông Phương

-----  
PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU

Về sự hiện hữu của mọi vật hữu hình hay vô hình trong vũ trụ, vào khoảng hai phần ba nhân loại tin có một đấng thần linh quyền phép vô biên là đấng đã sáng tạo và biến hóa mọi sự. Đó là đấng tạo hóa được gọi với nhiều danh xưng khác nhau như Yahveh, Allah, Thiên Chúa, Thượng Đế, Chúa Trời v.v. Đó cũng là niềm tin của các tôn giáo lớn ở Tây phương như Công giáo, Tin lành giáo, Anh giáo, Cơ đốc giáo, Hồi giáo và nhiều các môn phái Thiên chúa giáo khác như Do thái giáo, Copte, Maronnite v.v. Những tín hữu theo tôn giáo thờ Thiên Chúa này ở hầu hết khắp các Châu lục (Âu châu, Mỹ châu, Phi châu, Úc châu và một phần nhỏ ở Á châu); còn một phần ba nhân loại không tin sự tạo dựng vũ trụ là do một đấng thần linh nên họ không thờ Thiên Chúa. Họ sinh sống ở Trung Đông và Viễn Đông theo Ấn độ giáo, Tam giáo (Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo), Thần đạo v.v...

A. Nguyên nhân của các quan niệm trên.

I. Những nguyên nhân nào đã đưa đến sự tin có đấng tạo hóa của Tây Phương?

Về cuộc sống nguyên thủy, các dân tộc Tây Phương sống ở vùng Cận Đông tập trung thành những bộ lạc sinh nhai bằng nghề chăn nuôi dê, cừu, bò, lừa v.v. nay đây mai đó, không ở chỗ nào lâu dài. Mỗi một bộ lạc thờ một vị thần linh. Riêng dân tộc Do Thái thì thờ Thiên Chúa. Ông Abraham, vị tộc trưởng của người Do Thái là người đức độ, có đời sống gương mẫu hoàn toàn tin tưởng vào Thiên Chúa nên được Ngài tuyển chọn là một dân tộc được đặc ân mang sứ mệnh làm sáng danh Thiên Chúa để cho nhân loại biết Thiên Chúa là đấng tạo hóa đã dựng nên mọi vật trong vũ trụ.

a. Thông thường không bao giờ Thiên Chúa cho người phạm trần nhìn thấy dung nhan Ngài. Ông Abraham là người duy nhất được Thiên Chúa hiện ra để đối thoại. Vì dân chúng thành Sodome không tuân giữ lời Chúa, phạm tội đồng tính luyến ái nên Thiên Chúa nói với ông Abraham rằng thành phố Sodome phạm nhiều tội lỗi sẽ bị tiêu hủy. Trong cuộc đối thoại, ông Abraham đã xin Chúa đừng vì những người tội lỗi mà trừng phạt cùng lúc những người đức độ và nếu ông tìm được khoảng năm mươi người đạo đức thì xin Chúa hãy tha sự trừng phạt. Thiên Chúa bằng lòng nhưng ông Abraham không tìm ra được con số năm mươi người đó, xin Chúa hạ dần

xuống con số mười người mà cũng không tìm ra được số người đạo đức này. Vết tích của thành phố bị thiêu rụi này là Biển Chết (Mer Morte). Người Do Thái thứ hai được Thiên Chúa đối thoại là ông Moïse. Vì dân Do Thái bị người Ai Cập hành hạ hơn bốn trăm năm nên Thiên Chúa sai ông Moïse dẫn đưa dân tộc Do Thái thoát khỏi đời sống nô lệ. Để cho ông Moïse thi hành được mệnh lệnh này, Thiên Chúa cho ông làm nhiều phép lạ. Bằng một chiếc gậy ông đập vào đá liền có suối nước uống, gior lên mặt nước thì nước rẽ làm đôi để vượt qua Biển Đỏ (Mer Rouge).

b. Cách đây hơn hai nghìn năm Chúa Cha đã sai con một là Chúa Ki-Tô xuống thế làm người ở đất Do Thái, mục đích là để cứu chuộc tội lỗi loài người và dạy dỗ nhân loại biết Chúa Cha là đấng thần linh duy nhất đã dựng nên vũ trụ và loài người. Muốn cho thiên hạ tin vào quyền năng tạo dựng của Thiên Chúa, Chúa Ki-Tô đã làm rất nhiều phép lạ tỏ ra quyền năng của đấng tạo hóa:

1. Thiên Chúa tạo dựng mọi vật trong vũ trụ từ không có gì. Giữa nơi đồng quê, Chúa Ki-Tô đã tạo ra hàng ngàn chiếc bánh mì cho năm ngàn người ăn vì họ đã từ xa đến nghe Chúa giảng dạy từ sáng đến chiều.

2. Thiên Chúa biến hóa mọi vật trong vũ trụ. Chúa Ki-Tô đã biến nước lã hóa thành rượu nho thơm ngon trong bữa tiệc cưới ở Cana.

3. Thiên Chúa là nguồn sự sống của mọi vật. Chúa Ki-Tô đã làm phép lạ cho ba người chết sống lại nhất là ông Lazare đã chết được bốn ngày.

4. Thiên Chúa điều khiển mọi sự chuyển động trong vòng trật tự. Trên biển hồ Tibériade ở Galilée, các tông đồ trên thuyền sợ bị đắm vì gió to sóng cả, Chúa

Ki-Tô đã trấn an họ bằng phán cho sóng gió phải im lặng ngay.

Ngoài ra Chúa Ki-Tô còn làm rất nhiều phép lạ khác như người mù được nhìn thấy ngay tức khắc, người phong cùi được lành mạnh da dẻ tươi thắm, người bại xụi đi lại bình thường v.v.. Vì có những phép lạ này mà nhiều người sau khi được chứng kiến hay hưởng thụ đã có niềm tin tôn thờ Thiên Chúa như Hoàng đế Constantin ở La Mã, vua Clovis ở Pháp, ông André Froissart, nhà văn hào Cộng Sản danh tiếng, giáo sư Vũ Quốc Thúc, nguyên khoa trưởng trường Đại học Luật khoa, Bác sĩ Trần Văn Bảng nguyên giáo sư trường Đại học Y khoa v.v.

II. Những nguyên nhân nào đã khiến người Á Đông không tin có đấng tạo hóa?

a. Vào thuở ban đầu, người dân Á Đông đã tin có đấng thần linh ngự trên trời cao có quyền phép làm ra mưa nắng rất cần thiết cho sự trồng lúa. Họ thường gọi đấng thần linh này là Trời. Những câu ca dao tục ngữ đã minh chứng niềm tin này như Trời sinh Trời dưỡng, Trời sinh voi Trời sinh cỏ, Lay Trời mưa xuống, lấy nước tôi uống...

b. Nếu dân chúng Tây Phương ở vùng cận đông làm nghề chăn nuôi, nay đây mai đó, thì người nông dân Á Đông lại sống cố định ở nơi đồng ruộng, họp thành những làng mạc có luật lệ trong cuộc sống chung, đứng đầu là các vị vua. Những vị này thường hay kiêu ngạo tự cho mình là Thiên Tử tức Con Trời, còn dân chúng thì là người phạm trần không được phép thờ Trời. Trải qua nhiều thế kỷ, thói quen không thờ Trời trở thành thiên tính (l'habitude est une seconde nature).

c. Những nhà hiền triết Á Đông như Khổng Tử, Mạnh Tử khuyên dân chúng coi vua như cha (quân thần phụ tử), cho nên

người dân không dám cưỡng lại luật vua tuy rằng những luật đó chứa đầy sự bất công, không để ý gì đến nhân phẩm người dân.

d. Hơn nữa học thuyết của Tam giáo không công nhận Trời là đấng tạo hóa nên không nói đến việc thờ Trời như người Tây Phương. Khổng Tử có nói đến Thiên mệnh nhưng chữ Thiên đây không có nghĩa là Ông Trời, là đấng thần linh mà có nghĩa là lẽ trời đất, lý thái cực huyền bí vô cùng mà ta không biết được bản thể.

e. Giới trí thức khoa bảng thường là những thi sĩ được dân chúng ái mộ coi như là những vị hiền triết Tây Phương. Các thi sĩ khoa bảng này không tôn trọng Trời, coi Trời như các vị thần linh được dân chúng có óc mê tín tôn thờ để xin ân huệ (Thần Bạch Mi, Bà Chúa Kho, Thần Bạch Mã v.v.). Vì thế lời thơ họ làm không có tính cách trang trọng mà trái lại có tính cách bông đùa, hài hước giễu cợt:

*"Lúc túng toan lên bán cả Trời,  
Trời cười thằng bé nó hay chơi..."  
"Cớ sao vợ lại hơn Trời nhỉ?  
Vợ chỉ hơn Trời có cái chai..."  
"Kẻ tạo hóa đành hanh quá ngán  
Đất dẫu người lên cạn mà chơi..."*

Dân chúng bình dân cũng vậy, không kính sợ Trời, khi gặp hoạn nạn thường hay oán trách Trời (Trời già, Trời không có mắt, oán trách Trời gần Trời xa, Phủ phàng chỉ mấy Hóa công v.v.)

Tóm lại, ta nhận thấy hai điểm chính sau đây đã gây ra sự khác biệt về vũ trụ quan giữa Đông và Tây:

1. Vì sự tạo dựng vũ trụ là điều huyền bí loài người không hiểu được, Thiên Chúa đã hiện xuống nói cho ông Abraham biết

rằng Thiên Chúa là đấng đã tạo dựng nên mọi sự trong vũ trụ.

2. Để cho loài người tin vào lời nói trên, Thiên Chúa đã làm nhiều phép lạ ghi trong Cựu ước và Tân ước. Ngày nay Đức Mẹ đã chữa được nhiều bệnh nan y một cách kỳ lạ ở Lourdes. Ở đây có một ủy ban gồm các bác sĩ danh y thế giới để nghiên cứu theo dõi các hồ sơ của các bệnh nhân được chữa khỏi. Trên thực tế có hàng ngàn người đã được chữa khỏi nhưng cho đến nay ủy ban này chỉ ghi nhận được 69 trường hợp.

Thật vậy phép lạ là dấu chỉ đặc biệt chứng minh quyền năng vô biên của Thiên Chúa. Trong vũ trụ ta ở cái gì cũng là huyền bí. Ngay trong bản thân ta sự tạo dựng nên những cơ quan tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa v.v... , sự thể các cơ quan đó được hoạt động một cách điều hòa nhất là trái tim chỉ bằng thịt mà hoạt động như một động cơ không ngừng trong hằng trăm năm. Như vậy quả là những điều huyền bí mà con người không thể hiểu được. Ông Hubert Reeves, nhà thiên văn vật lý lão thành danh tiếng đã thú nhận rằng sự tạo dựng vũ trụ thật là điều vô cùng huyền bí và mãi mãi huyền bí. Câu này đồng nghĩa với lời nói của Chúa Ki-Tô khi xưa như sau: "Con ngợi khen Chúa Cha đã cho những người hèn mọn biết nhiều điều mà Chúa Cha đã che dấu không cho những người thông thái biết".

Câu hỏi được đặt ra là sao Thiên Chúa chỉ hiện xuống nói cho ông Abraham biết Chúa là đấng tạo hóa mà không nói cho ai khác? Ông Abraham được đặc ân này vì ông là người phàm trần duy nhất rất thánh thiện, có một đức tin vững mạnh vào quyền năng Thiên Chúa, luôn luôn tuân theo thánh

ý Chúa. Ông đã tỏ ra không một chút do dự thi hành lệnh Thiên Chúa đem con một là Isaac lên rừng thiêu làm vật hy sinh tế lễ Thiên Chúa. Nhưng khi ông gươm dao sắp sửa chém Isaac thì Thiên Chúa sai Thiên Thần hiện ra ngăn cản ông. Sau cuộc thử thách này Thiên Chúa đã kén chọn dân tộc ông là một dân tộc được Thiên Chúa tín nhiệm trao cho sứ mệnh làm sáng danh quyền năng Ngài đến ban dân thiên hạ.

Vì thế Thiên Chúa đã ban cho dân tộc Do Thái có trí óc thông minh nên dù phải sống ở nhiều nước nhưng dù ở nơi nào họ cũng tỏ ra xuất sắc, lãnh nhiều giải thưởng khoa học quốc tế. Thuở ban đầu, cách đây hai ngàn năm chỉ có mười hai tông đồ, là những người Do Thái hèn mọn làm nghề đánh cá đi rao giảng phổ biến Ki-Tô giáo. Tuy bị các vua chúa ở mọi nơi ngăn cấm và bách hại, ngày nay trên thế giới những người theo Ki-Tô giáo (Công giáo, Tin lành giáo, Cơ đốc giáo v.v.) đã đạt lên tới con số xấp xỉ ba tỷ người.

Tóm lại mọi vật hiện hữu trong vũ trụ đều do đấng tạo hóa dựng nên. Sự tạo dựng này thật là huyền bí, trí óc con người không thể hiểu được. Làm thế nào mà người mẹ kia nặn được trong bụng thân thể và hình dáng trẻ hài nhi một cách tinh vi. Bằng cách nào mà thân cây kia nặn được hoa tươi trái ngọt, điều mà không một nghệ sĩ nào làm được. Xưa kia thánh Augustin, một nhà thần học lỗi lạc, muốn tìm hiểu tín điều Thiên Chúa ba ngôi (Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần), ra ngoài bãi biển thanh vắng, đi đi lại lại, suy nghĩ về vấn đề này. Đồng thời ông nhìn thấy một em bé mãi miết múc nước biển đổ vào cái lỗ đào trên cát. Ông hỏi

đứa bé: "Em làm gì thế từ nãy đến giờ?" Em bé trả lời: "Tôi muốn tát cạn nước biển". Ông Augustin nói với em rằng: "Điều em làm không có thành công đâu". Em bé liền trả lời: "Điều tôi muốn làm chưa khó bằng điều ông đang suy nghĩ trong đầu". Sau đó em bé biến mất. Thánh Augustin mới nhận thấy rằng em bé kia là Thiên Thần do Thiên Chúa sai xuống nói cho ông biết loài người phải tin tín điều Thiên Chúa ba ngôi và đừng có suy nghĩ vô ích.

*"Đã tràn se cát biển đông*

*Nhọc nhân mà chẳng nên công trạng gì."*

B. Thiên Chúa dựng nên loài người với mục đích gì?

Vì loài người là vật thụ tạo y như bức tượng không thể hiểu được ý định của người thợ nặn, nên Thiên Chúa là đấng tạo dựng đã sai con một là Chúa Ki-Tô xuống trần để nói cho loài người được biết những ý muốn sau đây của Thiên Chúa:

- Kính mến Thiên Chúa.

- Thương yêu nhau, tha thứ cho nhau.

- Đời sống trần gian là đời sống tạm bợ có nhiều thử thách để cho linh hồn có cơ hội được tôi luyện trở nên thánh.

- Sau khi chết thân xác sẽ biến thành tro bụi còn linh hồn nếu được thanh tẩy sẽ trở về cuộc sống đời sau vĩnh cửu trên Thiên Đàng.

Thánh Kinh cũng cho ta biết rằng Thiên Chúa không những đã tạo dựng nên vũ trụ trần gian mà còn tạo dựng nước Thiên Đàng, nơi ngự trị muôn đời của Thiên Chúa cùng các Thiên Thần và các Thánh./.

**Phượng Du Nguyễn Bá Hậu**

(Paris)



# SAO NGỒI SÁNG ĐÊM XƯA

Sao ngồi sáng đêm xưa, đông về tuyết lúa thưa, Trên đôi vắng canh  
Sao ngồi sáng đêm xưa, trên đôi vắng canh khuya, Mơ màng gã chằm

khuya, sao dịu đất Ba Vua Qua rừng núi xa  
chiên trông bảy thức trâu đêm. Thiên thần Chúa loan

xôi, theo đường sao chỉ lối, Lấp lánh sao reo vui, Ngôi Hai vừa xuống  
tin vui mừng đi tìm đến, Thấy giữa nơi máng chiên, Chúa Con ngủ rất

đời. Sao ngồi sáng lưu ly, soi từng bước chân  
hiên. Ai ngờ máng chiên ăn, Con Trời quán trong

đi, Như ngọc sáng trong đêm trên đường Bết lê hem.  
khăn, Ai ngờ Chúa sinh ra đêm trời tuyết sương sa.

Chân thành lễ tôn vương bên chuồng chiên quỳ xuống, ánh sáng sao lung  
Mục đồng đứng vây quanh ca ngợi Con Trê Thánh, Cát tiếng ca, tôn

linh, huy hoàng đêm giáng sinh. Nghe xa  
vinh, tưng bừng đêm giáng sanh.

xa tiếng thiên thần ca, ngợi khen danh Chúa Cha, Bầu trời vang

tiếng Hò sa na! Trong đêm  
 khuya thế gian đâu ngờ Con Trời thành trẻ thơ, nằm hồn  
 nhiên trong máng chiến đơn sơ. Sao ngồi ánh vinh  
 Ôi lòng Chúa thương  
 quang ca điệp khúc hân hoan, Con Trời xuống nhân gian, không màng chốn cao  
 ta như Trời đất bao la. Bao tội lỗi buông tha, ghi lòng nhớ ơn  
 sang. Đêm về tuyết mênh mang, trong chuông chiêng ngời  
 xưa. Tôn thờ Chúa Ba Ngôi xa lìa con đường  
 D.C.  
 sáng. Ánh sáng sao long lanh soi vào chốn Ngài sanh.  
 tối. Hỡi ánh sao năm xưa, xin ngồi sáng đường tôi.  
 Hỡi ánh sao năm xưa, chiếu sáng trong đêm dài, Hỡi ánh sao rạng  
 ngời, nguyện soi sáng đường tôi.

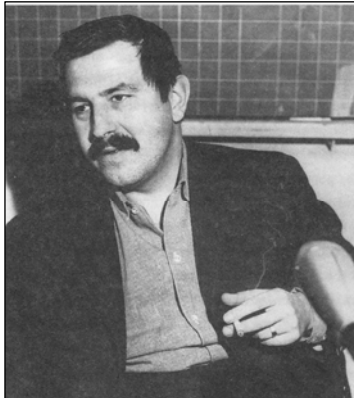
# GUNTER W. GRASS

(1927 - )

Văn Hào Đức

Lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương Năm 1999

Gunter Wilhelm Grass là nhà thơ, nhà văn viết tiểu thuyết, nhà viết kịch, nhà điêu khắc, với cuốn tiểu thuyết “Cái Trống Thiếc” (Die Blechtrommel = The Tin Drum, 1959), tác phẩm rất xuất sắc này đã mô tả thế hệ thanh niên Đức lớn lên trong thời kỳ Quốc Xã và nhờ vậy, tác giả Gunter W. Grass đã lãnh được Giải Thưởng



**Gunter W. Grass**

Nobel Văn Chương năm 1999.

## 1/ Tiểu Sử.

Gunter W. Grass ra đời vào ngày 16/10/1927 tại thành phố Danzig, hiện nay được đổi tên thành Gdansk và thuộc về nước Ba Lan (Poland). Thành phố này đã mang lại nhiều kỷ niệm cho nhà văn Gunter Grass và đã khiến cho tác giả mô tả rất nhiều kỷ ức của thời tuổi trẻ của mình.

Cha của ông Gunter Grass là chủ nhân của một cửa tiệm thực phẩm còn bà mẹ thuộc về giống dân Slavic, khác hẳn với người Ba Lan về tiếng nói và văn hóa. Gunter Grass đã theo học các trường tiểu học và trung học tại Danzig rồi tới thập niên 1930, ông đã tham gia vào Đoàn Thanh Niên Hitler (the Hitler Youth), bị động viên vào quân đội Đức Quốc Xã khi lên 16 tuổi,

bị thương tại một mặt trận năm 1945. Cũng vào năm này, Gunter Grass đã bị bắt làm tù binh, bị giam cầm tại Marienbad, Tiệp Khắc. Qua năm 1946, Gunter Grass được thả ra khỏi nhà tù, ông kiếm sống tại một nông trại rồi tại một hầm mỏ potash và học nghề xây đá (stonemason).

Vào năm 1948, Gunter

Grass theo học hội họa và điêu khắc tại Hàn Lâm Viện

Nghệ Thuật Dusseldorf (the Dusseldorf Academy of Arts), rồi trong hai năm 1953-55, tại thành phố Tây-Berlin, ông học hỏi về nghệ thuật tại Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật Quốc Gia (the State Academy of Fine Arts in Berlin). Sau đó Gunter Grass đã đi thăm các nước Ý, Pháp và Tây Ban Nha. Năm 1954, nhà văn này kết hôn với cô Anna Magareta Schwartz, họ ly dị nhau vào năm 1978 rồi năm sau, Gunter Grass cưới cô Ute Grunert.

Trong thời gian sinh sống tại hai thành phố Dusseldorf và Berlin, Gunter Grass đã sáng tác nhiều bài thơ và ông đã đọc các thơ phú này trước “Nhóm Nhà Văn 47” (Group 47), đây là hội của nhiều nhà văn Đức uy tín, họ đang tìm cách phục hồi sự liên chính của nền Văn Học Đức sau thời kỳ Quốc Xã. Từ năm 1956 tới năm 1960, Gunter Grass hoạt

động về điêu khắc và viết văn tại thành phố Paris, nước Pháp. Chính tại thành phố sau này vào năm 1956, Gunter Grass bắt đầu viết cuốn “Cái Trống Thiếc” (the Tin Drum), cuốn tiểu thuyết đầu tiên và rất thành công. Nhân vật chính trong tác phẩm này tên là Oskar Matzerath, một đứa trẻ từ chối không trưởng thành, đây là một cách phản đối các tàn bạo trong lịch sử của nước Đức và tên Oscar này chỉ liên lạc với các người khác qua cái trống đồ chơi của nó.

Từ cuối thập niên 1950, các tác phẩm khác của Gunter Grass phần lớn là các vở kịch, chỉ được đọc giả hoan nghênh một cách vừa phải. “Cái Trống Thiếc” là tác phẩm đầu tiên của “Bộ Ba Tác Phẩm Danzig” (Danzig trilogy) của Gunter Grass, kế tiếp thứ hai là cuốn tiểu thuyết ngắn “Mèo và Chuột” (Katz und Maus = Cat and Mouse, 1961), mô tả các kinh nghiệm của giới trẻ thuộc thành phần giai cấp trung lưu thấp (lower-middle-class) sinh sống tại thành phố Danzig từ năm 1939 tới năm 1944. Tác phẩm thứ ba là cuốn truyện “Các Năm Chó” (Hundejahre = Dog Years, 1963). Cuốn tiểu thuyết này chú trọng vào các tội ác của Đức Quốc Xã và sự thích nghi của người dân Đức sau chiến tranh.

Từ thành phố Danzig, Gunter Grass hướng về thành phố Berlin. Ông đã viết ra vở kịch “Tầng Lớp Bình Dân” (Die Plebejer Proben den Aufstand = The Plebeians Rehearse the Uprising, 1966), cuốn tiểu thuyết “Gây Mê Tại Chỗ” (Ortlich Beaubt = Local Anaesthetic, 1969) và vở kịch “Davor” dựa theo cuốn truyện kể trên, tất cả đã dùng thành phố Berlin là nơi xảy ra các biến cố.

Sau khi đã nổi danh vì “Bộ Ba Tác Phẩm Danzig”, Gunter Grass hướng về các

hoạt động chính trị. Ông là người viết diễn văn cho ông Willy Brandt (1913-1992), vị lãnh tụ của các đảng viên Dân Chủ Xã Hội (the Social Democrats) và ông Willy Brandt đã được bầu làm Thủ Tướng của nước Đức (Chancellor) từ năm 1969 tới năm 1974.

Trong thập niên 1970 và 1980, Gunter Grass đã khai triển các đề tài rút từ lịch sử của nước Đức thời cận kim và các vấn đề chính trị hiện thời, sang các phạm vi khác như sinh thái học (ecology), nữ giới và nghệ thuật nấu ăn. Tác phẩm của năm 1972 của Gunter Grass là cuốn “Từ Nhật Ký của một con Ốc Sên” (Aus dem Tagebuch einer Schnecke = From the Diary of a Snail, 1972).

Vào năm 1975, Gunter Grass đã đi du lịch lần đầu tiên tới nước Ấn Độ rồi từ năm 1986 tới năm 1987, ông đã sinh sống vài tháng tại thành phố Calcuta và ông đã mô tả nơi này trong tác phẩm “Đưa Lưỡi Ra” (Zunge Zeigen = Show Your Tongue, 1988).

Năm 1977, Gunter Grass cho xuất bản cuốn truyện “Con Cá Bơn” (Der Butt = The Flounder, 1977), trong cuốn này có đề cập tới thần thoại và thời gian kéo dài từ thời kỳ mẫu hệ tiền sử tới các xưởng đóng tàu tại Gdansk của thập niên 1970, và tác giả Gunter Grass đã mô tả sự phát triển của nền văn minh như là các cuộc tranh đấu giữa các giấc mơ của người nam về những thứ gì hùng vĩ nhưng lại có tính cách tàn phá, với các thành quả của người nữ. Gunter Grass đã dùng tên các con vật làm đề tài cho các tác phẩm của mình như: mèo, chuột, chó, ốc sên, cóc và cua, những con vật này đều bình thường.

Các tác phẩm trong hai thập niên 1980 và 1990 của Gunter Grass gồm có: “Con Chuột” (Die Ratten = The Rat, 1986) trong

đó người kể chuyện được một món quà tặng, đó là một con chuột cái và con chuột này đã chứng minh rằng loài chuột sẽ thừa hưởng trái đất. Tác phẩm “Tiếng Gọi của con Cóc” (Unkenrufe = The Call of the Toad, 1992) là câu chuyện của hai người đàn bà góa, một người Đức và một người Ba Lan, tại Danzig họ cùng làm công việc mang về các hài cốt của những người Đức lưu vong sau cuộc chiến tranh.

Tác phẩm của năm 1995 là cuốn “Quá Cách Xa” (Ein Weites Feld = Too far Afield, 1995), đã nói về các năm tháng thống nhất nước Đức, 1989 – 91, đề cập tới biến cố lịch sử sau khi Bức Tường Bá Linh (the Berlin Wall) bị phá đi. Chính tác giả Gunter Grass đã phản đối việc thống nhất hai miền nước Đức và coi sự đoàn tụ này giống như công việc Đức Quốc Xã sát nhập nước Áo vào nước Đức năm 1936 và nhà văn Gunter Grass đã bị nhiều người chỉ trích vì chủ trương này.

Từ năm 1983 tới năm 1986, Gunter Grass đã là Chủ tịch của Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật Berlin (Berlin Academy of Arts) và đã lãnh được rất nhiều giải thưởng: Giải Thưởng Nhóm 47 (Gruppe 47 Prize, 1958), Giải Thưởng Phê Bình (Critics' Prize, 1960), Giải Thưởng Sách Ngoại Quốc (Foreign Book Prize, 1962, nước Pháp), Giải Thưởng Buhner (Buhner Prize, 1965), Giải Thưởng Fontane (Fontane Prize, 1968), Giải Thưởng Heuss (Heuss Prize, 1969), Giải Thưởng Mondello (Mondello Prize, 1970, Palermo), Huy Chương Carl von Ossiersky (Carl von Ossiersky Medal, 1977), Giải Thưởng Viareggio-Versilia (Viareggio-Versilia Prize, 1978), Huy Chương Majakowsky (Majakowsky Medal, 1977), Giải Thưởng Feltrinelli (Feltrinelli

Prize, 1982), Vòng Leonhard Frank (Leonhard Frank Ring, 1988). Ngoài ra Văn Hào Gunter Grass còn được nhiều trường Đại Học trao tặng rất nhiều bằng cấp danh dự, chẳng hạn như các Đại Học Kenyon, Harvard, Poznan và Gdansk.

Các tác phẩm sau này của Văn Hào Gunter Grass gồm có cuốn “Thế Kỷ của Tôi” (Mein Jahrhundert = My Century, 1999), gồm các lời bình luận về Thế Kỷ 20, cuốn tiểu thuyết ngắn (novella) “Bước Chân Cua” (Im Krebsgang = Crabwalk, 2002), đề cập tới các điều kiêng kỵ (taboos) của các tội lỗi ở nước Đức. Cuốn sách này cũng nói tới sự việc một tàu ngầm Xô Viết đã đánh chìm con tàu thủy Đức mang tên là Wilhelm Gustloff vào tháng 1 năm 1945. Đã có vào khoảng từ 8,000 tới 9,000 hành khách trên tàu bị chết chìm, phần lớn là các người tỵ nạn và các binh lính bị thương.

Cuốn truyện “Bước Chân Cua” này đã trở nên một tác phẩm bán chạy nhất (a best seller) và liền sau đó, được chuyển dịch sang nhiều ngôn ngữ khác.

Văn Hào Gunter Grass cũng là một nhà bình luận phong phú, đã đề cập tới nhiều đề tài với nội dung bao gồm lịch sử và ông thường châm biếm các lỗi lầm của nước Đức và người dân Đức, đã nói về sự suy thoái của nền văn hóa chính trị (political culture) bên trong nước Đức đã được thống nhất.

Các cuốn truyện hư cấu (fiction) của Văn Hào Gunter Grass đều hàm chứa bên trong sự pha trộn không theo quy ước của các đặc tính hiện thực (realism), kinh khủng, kỳ quặc, biểu tượng (symbolism) và thường đề cập tới sự tội lỗi tập thể. Ông

cũng mô tả cách đấu tranh của con người để duy trì bản chất trong một cơn ác mộng vật chất của đời sống hiện tại.

Vào năm 1999, Văn Hào Gunter Grass được trao tặng Giải Thưởng Nobel Văn Chương, cùng với số tiền 960,000 Mỹ kim, vì “các ngụ ngôn đen mang tính đùa giỡn để mô tả bộ mặt đã bị quên lãng của Lịch Sử” (for his “frolicsome black fables [that] portray the forgotten face of history”).

## 2/ Cái Trống Thiếc.

Cuốn tiểu thuyết “Cái Trống Thiếc” (Die Blechtrommel = The Tin Drum) của Văn Hào Gunter Grass, phổ biến vào năm 1959, đã được chuyển thành phim vào năm 1979 và cuốn phim này đã đoạt được Giải Thưởng Cành Cọ Vàng (the Palme d’Or) và Giải Thưởng Hàn Lâm Viện dành cho Cuốn Phim Ngoại Quốc Hạng Nhất (the Academy Award for Best Foreign Language Film, 1979).

Cuốn truyện này liên quan tới cuộc đời của Oskar Matzerath, đứa trẻ này bị lưu giữ trong một bệnh viện tâm thần từ năm 1952 tới năm 1954. Oskar đã kể lại cuộc đời của chính nó. Ra đời vào năm 1924 tại thành phố tự do Danzig (the Free City of Danzig, bây giờ là thành phố Gdansk, Ba Lan), Oskar có khả năng về suy nghĩ và nhận thức như một người trưởng thành nhưng nó quyết định từ chối không lớn lên khi cha mẹ của nó dự trù cho nó trở nên một người bán thực phẩm.

Oskar do bẩm sinh đã có tiếng hét mạnh dữ dội, có thể làm vỡ cửa kính, hay có thể dùng làm một thứ vũ khí. Nó duy trì tình trạng của một đứa trẻ kể từ thời kỳ ban đầu của Thế Chiến II, cho tới thời hậu chiến của châu Âu, và nó bảo vệ “cái trống thiếc”, một món quà tặng khi lên ba tuổi, coi

như đây là một kho tàng và nó có thể giết người để duy trì món quà này.

Oskar tự coi mình có hai người cha “đoán chừng”, một người là Alfred, chồng của bà mẹ nó và cũng là một đảng viên Quốc Xã, còn người kia tên là Jan, một người bà con và người tình bí mật của mẹ nó, ông Jan này đã bị giết khi bảo vệ Bưu Điện Danzig vào lúc Quân Đội Đức xâm lăng Ba Lan. Khi mẹ của Oskar qua đời, ông Alfred đã kết hôn với bà Maria, một người đàn bà và cũng là người tình đầu tiên và lén lút của Oskar. Sau khi lấy ông Alfred, bà Maria này sinh ra một đứa con trai tên là Kurt, và đứa trẻ này lại có thể là đứa con của chính Oskar.

Trong thời kỳ chiến tranh, Oskar tham gia vào nhóm các người lùn chuyên đi giúp vui cho Quân Đội Đức ngoài mặt trận. Khi người tình thứ hai của Oskar, cũng là một cô gái lùn tên là Roswitha, bị giết khi Quân Đội Đồng Minh đổ bộ lên miền Normandy. Oskar trở về với gia đình tại Danzig, nơi đây nó trở nên thủ lĩnh của một băng đảng trẻ tuổi. Vào dịp Quân Đội Liên Xô chiếm đóng Danzig, Alfred đã bị bắn chết.

Sau đó, Oskar di chuyển cùng với bà mẹ kế góa bụa và đứa con của họ, về Dusseldorf rồi tại nơi đây, nó mê Chị Dorothea, một người hàng xóm, nhưng Oskar đã không thành công khi quyến rũ chị này. Oskar đã gặp Klepp, một nhạc sĩ và nó đã biểu diễn tài đánh trống cho Klepp nghe. Sau đó Klepp, Oskar và Scholle, một tay đàn guitar, lập ra Ban Nhạc Jazz Sông Rhine. Một công ty thu đĩa đã nhận ra tài năng của Oskar nên đã ký với nó một giao kèo, nhờ vậy nó trở nên nổi tiếng và giàu có. Một hôm, khi đi qua một cánh đồng, nó tìm thấy ngón tay đeo nhẫn của chị

Dorothea, người đã bị giết trước kia. Oskar tự để cho mình bị kết án sai lầm, nó bị giam vào trại điên và tại nơi này, nó bắt đầu viết các hồi ký.

Oskar Matzerath là một người kể chuyện không thể tin được, bởi vì nó bị bất bình thường. Nó thường kể chuyện bằng ngôi thứ nhất (first person), đôi khi lại chuyển thành ngôi thứ ba (third person).

Cuốn truyện kể về tên Oskar này có bản chất rất nặng về chính trị, với các thành phần ẩn dụ (allegory), hoang tưởng và thần thoại, với các lời nói bóng gió, chứa đầy tính cách tôn giáo, vừa Do Thái giáo, vừa Thiên Chúa giáo. Oskar thường đàm luận với cả Chúa Jesus lẫn Quỷ Satan. Về sau, Oskar đã nhận ra rằng nó có thể thay đổi bề ngoài của nó mà không thể làm thay đổi thời gian. Nó cũng công nhận rằng tự do thì tìm thấy được qua các quyết định và các điều này trở nên phức tạp, và sự tăng trưởng (growth) chính là các kinh nghiệm, với thời gian chỉ là thứ xe chuyên chở dùng cho sự tăng trưởng, rồi nhờ tăng trưởng mà có tự do.

Khi cuốn truyện “Cái Trống Thiếc” mới được xuất bản, tác phẩm này đã bị một số người chê bai là có tính cách báng bổ (blasphemous) và dâm thư (pornographic), nhưng từ năm 1965, công chúng đã coi như chấp nhận các ý tưởng trình bày trong cuốn tiểu thuyết này rồi chẳng bao lâu, tác phẩm này được công nhận thuộc loại cổ điển (a classic) của nền văn học sau Thế Chiến Thứ Hai, tại nước Đức cũng như trên khắp thế giới.

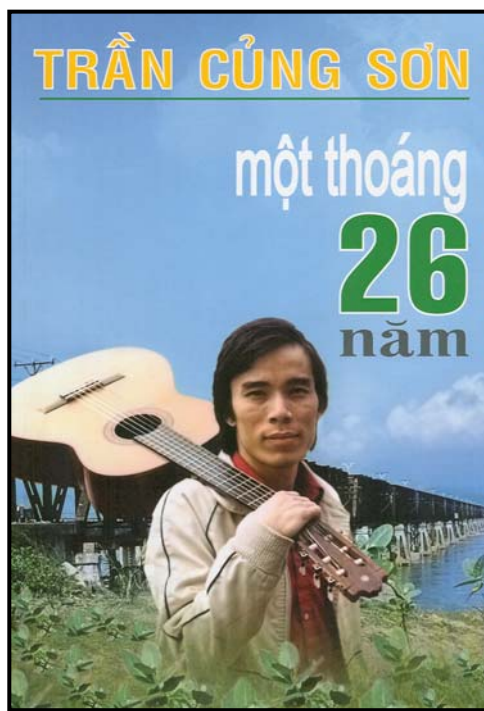
Tác phẩm “Cái Trống Thiếc” được dịch sang tiếng Anh do Ralph Manheim và phổ biến vào năm 1961. Bản dịch sang tiếng Ả Rập do Mwafaq Al-Mashnoq, xuất bản vào

năm 1999 rồi qua năm 2001, có bản dịch sang tiếng Ba Tư (Persian) do Soroush Habibi./.

**Phạm Văn Tuấn.**

(Virginia)

+++++



### **CẢM ƠN**

**Nhạc sĩ Nhà báo Trần Chí Phúc**  
đã tặng Cổ Thơm  
tuyển tập ký sự đồ sộ và phong phú:

**MỘT THOÁNG 26 NĂM**

Liên lạc:

**trancungson@yahoo.com**

# THIỆP MỜI

*Trân trọng kính mời quý vị tham dự*

*Kỷ Niệm 19 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật của*

## **TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM**

*Chủ Nhật ngày 30 tháng 3, năm 2014*

*Khai mạc đúng 11:30 AM tại*

**HARVEST MOON RESTAURANT**

*7260 Arlington Boulevard, Falls Church, VA 22042*

*ĐT: (703) 573-6000*

*Chương trình có tiệc trưa và một chương trình văn nghệ chọn lọc  
với sự tham dự của một số nghệ sĩ vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn  
và Nhạc sĩ **Trần Chí Phúc** đến từ California.*

**Giá vé ủng hộ: 25 Mỹ kim**

### LIÊN LẠC:

Nguyễn Thị Ngọc Dung: (703) 471-1271

Phan Anh Dũng: (804) 387-8773

Phan Khâm: (301) 592-8608

Đặng Nguyên: (443) 303-2939

Trúc Mai: (703) 534-0712

Thái Phương: (804) 639-6137

Phong Thu: (202) 657-8654

Hồng Thủy: (301) 466-6120

Trương Anh Thụy: (703) 525-4538

Phạm Văn Tuấn: (703) 707-1602



# Thập Thoảng Anh Vê

Tặng Trương Huệ

Thơ: Nguyễn Thị Ngọc Dung

Nhạc: Tạ Bình

*Chậm, thương tiếc* A D E E7

Chấm thoát nguồn đi bao tháng năm Cảnh  
liền non mộng chốn xa xăm Mây  
vững trảng nhạc sầu dang dở Gió  
cuốn lên thơ nhớ lặng thắm Đan  
vắng ngón gầy thương phôi nhac Nhấp  
thủa cung gầy khóc thành âm Nền

The musical score consists of seven staves of music in treble clef, with a key signature of three sharps (F#, C#, G#). The lyrics are written below the notes, and guitar chords are indicated above the staff lines. The lyrics are: xửa hoa nở chìm hòa lâu Cháp; thoáng anh về trong ánh trăng Dân; vắng ngón gảy thướt phỉm nhạc Nhịp; hát cùng gảy khúc thanh âm Nền; xửa hoa nở chìm hòa lâu Cháp; thoáng anh về trong ánh trăng.

Am Dm Dm E  
xửa hoa nở chìm hòa lâu Cháp

E7 E7 Am A  
thoáng anh về trong ánh trăng Dân

D Bm F#m Bm  
vắng ngón gảy thướt phỉm nhạc Nhịp

E7 E7 A Bm  
hát cùng gảy khúc thanh âm Nền

E7 E7 A A E7  
xửa hoa nở chìm hòa lâu Cháp

E7 E7 A A  
thoáng anh về trong ánh trăng

*Nguyễn Thị Ngọc Dung & Tạ Mạnh Chuyên All Rights Reserved.*

# Cơ Và Những Hình Thức Biểu Thị Của Nó

Trích trong “ Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt “  
của Nguyễn Văn Nhiệm

( Tiếp theo )

## Hình ảnh hay hình tượng nguyên sơ

Hình ảnh ở đây có ý nói đến nguyên sơ tượng của vũ trụ quan Dịch, thuộc về cơ còn rất tế vi, chưa có chủ đề rõ rệt. Hệ từ truyện giải thích: “*Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình, biến hóa hiện hỹ* “. Ở trên trời là tượng, tức hình ảnh, ở dưới đất là hình, tức hình thể, biến hóa hiển hiện ra vậy. Biến hóa từ cái bản thể cơ bản duy nhất, phổ biến đại đồng là nguyên lý của vũ trụ mà biểu hiện ra vạn vật có thiên hình vạn trạng qua hình ảnh tương tự là tượng. Như vậy tượng là môi giới giữa thể giới hữu hình (địa) và thể giới siêu hình (thiên). Do đó hình ảnh giới thiệu nơi đây mang ý nghĩa triết lý hơn ở bình diện văn chương, phải là những gì có tính cách tiêu biểu nhất.

## Tiên- rồng

Tiên- rồng là hình ảnh biểu tượng nguyên lý âm- dương phổ biến cho đến Đạo vợ chồng, là việc tuy thông thường, nhưng lại rất cơ bản, dẫn đến cùng cực thì quán thông thiên địa như Trung Dung đã nói: “*Quân tử chi Đạo, tạo đon hồ phu phụ, cập kỳ chi già, sát hồ thiên địa*”:

”*Tờ giấy hồng anh găm chữ thọ  
Gửi thư này cả họ bình yên*”

*Đầu rồng mà gói tay tiên  
Ước chi đầu ấy gói lên tay này  
Như chim loan phượng ấp cây ngô đồng  
Một mai nên vợ nên chồng  
Như cá gặp nước, như rồng gặp mây.”*

Đạo ấy dẫn đến sự hoà hợp *như chim loan phượng ấp cây ngô đồng*, thể hiện qua tình nghĩa vợ chồng gắn bó *như cá gặp nước, như rồng gặp mây*, phát triển đến cùng cực *như cá gặp nước* là lặn sâu đến tận địa giới, *như rồng gặp mây* là vươn lên đến tận trời cao.

*Như rồng gặp mây* là ứng với hào 5 của quẻ Kiền: *Phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân*: Rồng bay lên trời, ra mắt kẻ đại nhân thì lợi. *Như cá gặp nước, như rồng gặp mây* là tổng hợp, hoà hợp cả hai nhịp điệu đóng- mở, lên- xuống, động- tĩnh, tức là *hợp nội ngoại chi Đạo* ( TD 25 ). Nói về chữ thời thì đó là hòa thời.

Nếu tâm hồn của những đôi nam nữ hoà hợp trong hòa thời một cách chân chánh, thì mọi sinh hoạt, cái gì cũng tỏa ra cái vẻ đẹp, chứa chan hạnh phúc:

”*Anh dệt cử, em kéo hoa  
Rồng bay phượng múa ai mà chẳng khen.*”

Ngược lại, nếu ý vào tài mà tâm bất chánh thì hãy coi chừng:

”*Bên hữu con thiên lý mã,  
Bên tả con vạn lý vân,*”

Hai bên nhắm cũng cân phân,  
Lòng anh muốn cỡi một lần đủ đôi.  
- Thiên lý mã sai như tên bắn,  
Vạn lý vân chạy tể giống rồng bay.  
E khi anh cỡi chẳng tài,  
Sa cơ một chút ngàn ngày lại đau

Còn ở hào 1 của quê Kiên hay sơ cửu thì có ghi: “*Tiền long vật dụng*”: Rồng còn ẩn nấu, chưa dùng được còn phải chờ thời. Trong thời gian này con người cần phải kiên nhẫn, lo tu tâm, dưỡng tánh, vượt qua mọi thử thách, nghịch cảnh:

”Rồng nằm giữa biển rồng than,  
Trách con cá đối nằm ngang mình rồng.”  
hay:

”*Chẳng lo đuổi thỏ săn hươu  
Rồng còn uốn khúc ở ao đợi thì.  
Kình nghệ vui thú kình nghệ,  
Tép tôm thì lại vui bè tép tôm.  
Xem loài bán thỏ buôn hùm,  
Thấy mối như trĩ bởi tham mắc dò.  
Thà ăn cây gậy o o,  
Còn hơn ngay gậy ăn bò làm chi.*”

Long kết hợp với mã làm thành biểu tượng chỉ thời gian- không gian (sẽ trở lại ở phần thời- không):

”*Ai đi đâu ba bốn dặm đường,  
Gặp con xà long mã chữ đương ai để.*”

Cặp long- mã, tròn- vuông, thời- không, trời - đất là nguyên lý âm- dương, là suối nguồn cho mọi sự trên đời, mà đối với con người là sự kết hợp tình yêu nam nữ:

”*Rồng châu ngoài Huế*

*Ngựa tể Đồng Nai*

*Nước sông trong sao lại chảy hoài*

*Thương người xa xứ lạc loài tới đây.*”

Tiên rồng là biểu tượng tổ tiên của người Việt Nam, một biểu tượng cao quý của một dân tộc đã kết tinh thành Đạo sống truyền thống, Đạo thờ cúng tổ tiên (ông bà):

”*Trúng rồng lại nở ra rồng,  
Hạt thông lại nở cây thông rườm rà.  
Có cha có mẹ có ta,  
Làm nên thời bởi mẹ cha vun trồng.  
Khôn ngoan nhờ âm ông cha,  
Làm nên phải doái tổ tông phụng thờ.  
Đạo làm con chớ hững hờ,  
Phải đem hiếu kính mà thờ từ nghiêm*

Bài ca dao trên nói đến trúng rồng là ý nói đến *bọc trăm trứng* của tiên- rồng, nở ra *trăm con*:

”*Chàng về thiếp cũng theo mây,  
Trăm con để lại chôn này ai nuôi?*”

*Chàng về* : về Thủy phủ, xuống biển.  
*thiếp cũng theo mây* : lên núi, về cõi Tiên.

”*Tri giả nhạo thủy*“, nên Lạc Long Quân đưa 50 con về thủy phủ.” *Nhân giả nhạo sơn*“, nên Âu Cơ đưa 50 con lên núi

Những người con này cùng một bọc mà ra nên gọi là *đồng bào*:

”*Anh em cốt nhục đồng bào,*

*Vợ chồng là Đạo lẽ nào chẳng thương.*”

Việt Nam là đất nước có văn hóa, “*Văn hiến chi bang*“, đất nước có luân thường, đạo lý, từ Đạo vợ chồng cho đến Đạo thờ cúng tổ tiên, trời- đất. Vậy mà do bã lợi danh cũng vẫn có người không phân biệt chân giả, dày xéo quê hương, ngăn cách đồng bào:

”*Chiều chiều bãi bể sóng xô,*

*Dã tràng xe cát cơ đồ phù vân.*

*Thương ai chân giả không phân,*

*Mà đem danh lợi cách ngăn đồng bào.*”

*Chân giả không phân* là những người mê muội, vô minh chạy theo *lợi danh*, mãi làm khổ đồng bào. Đây là hạng người đáng bị oán trách, ấy vậy mà đồng bào vẫn thương. Thương vì họ còn mê muội, còn chìm đắm trong cõi vô minh, ham mê danh lợi, quên nghĩa đồng bào:

“*Thương ai chân giả không phân* “

Thật cao quý thay những người bình dân Việt Nam, những người đã thâm nhuần văn hóa minh triết Việt truyền thống như nhận định của học giả Paul Mus: “ *il s’agit pas, il officie* “: Họ không làm, họ tế tự. Câu nói đó ở đây được hiểu như thế này: họ không oán hận, họ cầu nguyện. Cầu nguyện cho đồng bào thoát khỏi nghịch cảnh, cầu nguyện cho những người *chân giả không phân* sớm hồi tỉnh, cầu nguyện cho đất nước thái bình, thanh trị.

Họ kính yêu những đấng anh hào hy sinh cho tổ quốc:

”*Vườn ai trồng trúc trồng tre,  
Ở giữa trông chè hai bên đào ao.  
Ấy nhà một đấng anh hào,  
Họ Phan làng Thái đồng bào kính yêu.*”

Tiên là mẫu người lý tưởng từ xưa của Việt tộc. Chữ Tiên theo chiết tự thì gồm có chữ nhơn và chữ sơn hợp lại, như vậy có nghĩa là người ở núi cao đón nhận ân đức từ Trời ban xuống, đón nhận ánh sáng minh triết. Ca dao còn lưu lại ý tưởng về Tiên như sau:

Tiên nói chung:

”*Cổ Loa là đất đế kinh,  
Trông ra lại thấy tòa thành Tiên xây.*”

Nàng Tiên:

”*Trên trời có mấy vì sao,  
Dưới trần có gái má đào có duyên.  
Trên trời có mấy nàng Tiên,  
Dưới trần có kẻ lụy phiền vì ai.*”

Ông Tiên:

”*Chấp tay khuyên bạn chớ cười,  
Ông Tiên còn phải đọa hưởng chi người  
thế gian.*”

Cõi Tiên:

”*Trách chàng Từ Thức vụng suy,  
Cõi Tiên chẳng ở về chơi cõi trần.*”

và:

”*Hỏi chàng khách lạ đường xa,  
Đến đây cân sắc hay là kết duyên.  
Sa chân bước xuống cõi Tiên,  
Trước là cân sắc, sau kết duyên Châu Trần.*”

Cõi Tiên còn có tên là Bồng Lai, người ta thường nói: *Bồng lai Tiên cảnh* .

”*Lác trông phong cảnh đẹp thay,  
Bồng Lai có phải chốn này hay không?*”

Cõi Tiên cũng gọi là Thiên Thai:  
”*Cây quế Thiên Thai mọc nơi khe đá,  
Trầm nơi Vạn Giã hương tỏa sơn lâm.  
Đôi đĩa mình đây như quế với trầm,  
Trời xui gặp gỡ sắt cầm trăm năm.*”

Những người quyết chí tu Tiên:

”*Dốc lòng lên cõi Thiên Thai,  
Mũ rơm, áo vá, giày gai tu trì.*”

Quan niệm làm việc phước tại thế gian dù nhỏ đến mấy cũng có giá trị hơn tìm đến cảnh Thiên Thai:

”*Dù cho đến cảnh Thiên Thai,  
Không bằng lượm một nhánh gai giữa đường.*”

Ý niệm Tiên trở thành ý niệm hạnh phúc:

”*Nhất cao là núi Tân Viên,  
Bình yên vạn sự là Tiên trên đời.*”

Như vậy Tiên là mẫu người lý tưởng đã xuất hiện rất sớm ở Việt tộc, có thể còn trước cả mẫu người quân tử ở nguyên Nho, bởi vì Nho đã công thức hóa, hệ thống hóa kho tàng tư tưởng của văn hóa nông nghiệp của Viêm Việt, Bách Việt, nói chung là Việt tộc.

Khi vua Linh Đế ( 168- 189 ) nhà Hán băng hà, thiên hạ bên Tàu nhiễu loạn, chỉ có Giao Châu tạm yên, nên người phương Bắc di dân đến ở, phần lớn tu luyện phép tịch cốc trường sinh của phái Thần Tiên, mang màu sắc ma thuật ở thế giới hiện tượng, còn phạm trù Tiên của Việt tộc là minh triết theo hướng tâm linh.

Thời Hồng Bàng ( 2879- 258 tr.CN ),  
vật biểu là chim:

*“Biển sâu con cá lớn vẫy vùng,  
Trời cao muôn trượng, cánh chim Hồng  
bay cao.”*

Các loài chim cao quý thường nghe nói  
đến sau này là: Loạn, Phượng, Hạc. Tiên đi  
đôi với chim, vì thế khi tu Tiên đắc đạo gọi  
là vũ hóa (mọc cánh) biến ra bạch hạc (có  
thể lúc đầu vật tổ là chim, Việt điều, Lạc  
Việt sau thăng hoa thành biểu tượng Tiên ).  
”Rồng nằm núi Chúa\*,

*Hạc múa xa chùng,  
Tối trời quân tử dừng chân,  
Khuyên em ở lại giữ xuân má đào.”*

(\* Núi Chúa ở giữa Phú Yên- Khánh Hòa,  
trên đỉnh có mây phủ như rồng bay lượn.)

Hình ảnh biểu tượng cho sự hòa hợp:

Ngưu Lang- Chức Nữ, hạc-quy:

*”Thiếp gặp chàng như Ngưu Lang gặp hội,  
Chàng gặp thiếp như hạc độ lung quy.”*

Hạc tượng trưng cho Tiên sống đời đời  
hạnh phúc , quy cũng chỉ sự sống lâu, bền  
bỉ. hạc- quy hòa hợp tạo ra ngũ phúc. *Hạc  
độ lung Quy* : về tướng số người ta còn gọi  
là *Thân Quy Hạc tướng* rất tốt.

Tiên là biểu tượng minh triết thì hạc  
cũng là biểu tượng của minh triết:

*”Ba năm hạc đáo về đình,  
Không cho hạc đậu, tức mình hạc bay.”*

Đình là tiêu biểu cho công thể, làng xã.  
Ai đã đuổi hạc, ai đã không cho hạc đậu nơi  
mái đình Việt Nam. Xin thưa chính là văn  
hóa nô dịch và những người bị nô dịch bởi  
thứ văn hóa đó. Kẻ thì có chủ tâm, người  
thì mù quáng xua đuổi ánh sáng minh triết  
của tổ tiên để đón nhận u tối:

*”Phượng hoàng chặt cánh đuổi đi,  
Bắt con bìm bịp đem về mà nuôi.”*

Phượng hoàng cũng như hạc là loài chim

quý, tượng trưng cho minh triết Việt.

Phượng hoàng thì gãy cánh, thôi thì hạc  
đành bay đi, vì đất có lạnh, chim mới đậu.  
Thế là văn hóa dân tộc bị tiêu ma, mà đáng  
lẽ nó phải mỗi ngày một thêm rực rỡ, huy  
hoàng . Chùng nào hạc về lại *châu lung quy*  
nơi đình làng thì nền văn hóa chan hòa ánh  
sáng minh triết mới được phục hưng và lúc  
đó nền quốc học xứng đáng cho dân tộc  
theo tinh thần lưỡng hợp vừa vương của  
nền khoa học kỹ thuật hiện đại, vừa tròn  
trên nền tảng nhân bản tâm linh truyền  
thống mới có thể được hình thành.

Sau những hình ảnh tiêu biểu như tiên, rồng,  
hạc, bây giờ đến vòng tròn và hình vuông.

### **Vuông Tròn**

Vuông tròn là cặp hình ảnh dễ nhận ra  
đối với người bình dân, thay thế cho đất  
trời, nhất là âm dương còn trừu tượng.  
Cũng như đất trời, âm dương, chúng chỉ có  
ý nghĩa khi kết hợp với nhau trong thế giao  
hòa cân đối, quân bình và sự giao hòa đó  
tỏa ra ánh sáng chân lý, cái mỹ và cả sự  
thiện. Ở bình diện ý thức thì có sự phân biệt  
ra ba lý tưởng, còn ở đợt tâm linh siêu việt  
thì cả ba là một, là lý tưởng *vuông tròn*, là  
sự hoàn hảo:

*”Bấy lâu nay liễu Bắc đào Đông,  
Tự nhiên thiên lý tương phùng là đây.  
Bây giờ rồng lại gặp mây,  
Nhờ tay tạo hóa đổ đây vuông tròn.”*

Các công trình tạo hóa, các qui luật tự  
nhiên xuất phát từ chỗ giao thoa của hai  
trục thời không mà phát triển ra mãi . *Bây  
giờ* là thời gian hiện tại miên trường;  
không gian khi xưa kia phân cách Bắc  
Đông, xa nhau ngàn dặm ( thiên lý ) thì  
nay chỉ là gang tấc. Thật là kỳ diệu, mọi  
chướng ngại ngăn trở đều biến mất, tâm

thức thăng hoa chẳng khác nào như *rồng lại gặp mây*.

Ca dao của người bình dân nói: *đất vuông trời tròn* là trước hết nhằm vào *trí khôn* để đạt chân lý ở bình diện lý trí, tức là nhằm vào tri thức sự vật như một tri thức khoa học:

*"Làm người phải có trí khôn,  
Nghĩ sao cho hết đất vuông trời tròn.  
Lên rừng biết núi biết non,  
Xuống khe biết nước chảy đá mòn, con cá lợi giương vi."*

Khi vuông tròn giao hòa với nhau theo liều lượng như cặp cơ số 2-3 thì đoạn thẳng phối hợp với vòng tròn cho ra nét cong nghệ thuật là biểu tượng của mỹ:

*"Chân mày vòng nguyệt có duyên,  
Tóc mai gọn sóng đẹp duyên tơ hồng."*

*Vòng nguyệt, gọn sóng* chính là kết quả tổng hợp thẳng và tròn, là đường nét thẩm mỹ:

*"Trên đầu em đội khăn vuông,  
Trông xuống dưới ngực cau buông còn non.  
Cổ tay em vừa trắng vừa tròn, Mặt mũi vuông vẫn chông con thế nào."*

Đó là nói về sắc đẹp *vừa trắng vừa tròn* của người con gái, còn cái đẹp của người con trai thì lại đi với nét hào hùng:

*"Tóc đen thưa rộng mà dài,  
Vuông tròn sắc mặt là trai anh hùng."*

Vuông tròn là hình ảnh hòa hợp lý tưởng, nghĩa là đi sâu vào căn cơ, suối nguồn tâm linh huyền diệu, nên thường được viện dẫn trong những lời thề nguyện:

*"Hai chân đạp đất, đầu em đội trời cao,  
Ngó lên mái tóc mấy lời giao vẫn còn.  
Lời nguyện với anh chạt biển đầy non,  
Em thương anh hai chữ vuông tròn."*

Đạt được *vuông tròn* là đã tới thiện, cho nên bên cạnh thề nguyện còn có nguyện cầu, van vái với lòng chí thành:

*"Vái Trời cho đặng vuông tròn,  
Trăm năm giữ vẹn lòng son cùng chàng."*

Những người quen với đời sống tâm linh thì ngoài việc thề nguyện, van vái theo thể tục, còn có khả năng tự tin, tin tưởng nơi qui luật *vuông tròn* của tạo hóa, nên có thái độ tích cực, chủ động:

*"Trăm năm tính cuộc vuông tròn,  
Đá vàng trót hẹn, dạ càng đĩnh ninh."*

Rồi từ đó dẫn đến quyết tâm cao độ:  
*"Qué càng già càng tốt,  
Mía càng đốt càng ngon."*

*Anh thương emặng nghĩa vuông tròn,  
Mấy sông cũng lợi, mấy hòn cũng leo."*

Đạo Việt là Đạo nhân bản tâm linh, cứu cánh là đạt nhân. Cho nên tương quan vuông tròn ứng với cặp cơ số 2-3 là tương đối quân bình nhất, hơi nghiêng về phía con số 3, tức vòng tròn, trọng người hơn của, đó là điều kiện để thành nhân:

*"Người còn thì của cũng còn,  
Miễn là nhân nghĩa vuông tròn thì thôi."*

Đời sống nội tâm ứng với cơ số 3 hay vòng tròn là cái nền, còn đời sống thường nhật ngoài đời ứng với số 2 hay hình vuông ( 4 hay 2 ). Cả hai ở thể quân bình theo tinh thần lưỡng nhất *hợp nội ngoại chi đạo*, nhưng vẫn giữ ưu tiên phần nội tâm:

*"Vợ chồng chớ cãi nhau hoai,  
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm."*

*Trong ấm ngoài êm* là chân lý nền tảng mà tổ tiên đã chỉ dạy mà nếu chạy theo vật chất bên ngoài, không chăm sóc phần tâm linh thì coi như xây tòa nhà trên bãi cát. Cho nên phải tu cầu gia đạo theo nghĩa *vuông tròn* mới được:

*"Tu cầu gia đạo vuông tròn,  
Chồng hòa vợ thuận, cháu con thảo hiền."*

Đạo gia đình mà tu sửa cho *vuông tròn* thì kết quả là chồng hòa, vợ thuận, cháu

con hiếu thảo. Đó là chân hạnh phúc của gia đình chứ còn ở đâu?

Đối với vợ chồng:

*"Vợ chồng may rủi hòa duyên,  
Đẹp đôi hòa thuận là Tiên trên đời."*

Tiên là biểu tượng của hạnh phúc

Đối với anh em:

*"Anh thuận em hòa là nhà có phúc."*

Hạnh phúc chân thật chỉ có trong đời sống có văn hóa đạt minh triết, nghĩa là khi có sự giao thoa quân bình giữa các đối cực thiên địa, âm dương theo trưng quan *vuông tròn*. Đó là hạnh phúc tự căn cơ biểu hiện ra thế giới hiện tượng chẳng sai sót:

*"Cao cao, cao tít mù xanh,  
Tuy cao mù tít vẫn quanh quẩn gần.  
Dữ lành cân nhắc đồng cân,  
Mà cơ hạnh phúc chuyển vẫn chẳng sai.  
Hiện tiền quá khứ tương lai,  
Như vòng vòng dính, như quay quay tròn."*

Cơ hạnh phúc là hạnh phúc từ căn cơ, từ chỗ giao hòa, hòa thuận, hòa hợp thiên địa, âm dương tỏa ra thì mới là hạnh phúc chân thật của cuộc sống an lạc, ngược lại là thứ hạnh phúc giả tạo, bấp bênh.

Cha mẹ nuôi dạy con cái cũng cầu mong cho được *vuông tròn* (lớn khôn) với cả hai phương diện vật chất và tinh thần:

*"Nuôi con cho đến vuông tròn,  
Mẹ thầy vất vả, xương mòn gối long.  
Con ơi, gắng trọn hiếu trung,  
Thảo ngay một dạ, kéo luống công mẹ thầy."*

Trong giao tiếp, xử phận *vuông tròn* có nghĩa là công bằng, sòng phẳng:

*"Bậu đừng vội giận,  
Qua xử phận vuông tròn,  
Người còn thì ngài (nghĩa) vẫn còn,  
Sau này gặp gỡ chẳng hờn chi nhau."  
"Đấy mà xử ngài vuông tròn,*

*Ngàn năm ly biệt vẫn còn đợi trông."*

Vuông tròn còn có nghĩa là bình an qua lời cầu chúc nhau lúc từ giã:

*"Chợ Sài Gòn cần đá,  
Chợ Rạch Giá cần xi mon.  
Giã em ở lại vuông tròn,  
Anh về xứ sở không còn vô ra."*

Sách Lễ ký có viết: "*Nhân giả kỳ thiên địa chi đức, âm dương chi giao, qui thần chi hôi, ngũ hành chi tú khí giã*": Người là cái đức của trời đất, sự giao hợp của âm dương, sự tụ hội của qui thần, cái khí tinh tú của ngũ hành. Bài ca dao sau đây giới thiệu cái đức của con người thừa hưởng cái đức của trời đất, là nguồn năng lực nguyên nguyên bất tận:

*"Cây xanh thời lá cũng xanh,  
Cha mẹ hiền lành để đức cho con.  
Mừng cây rồi lại mừng cành,  
Cây đức lắm chồi, người đức lắm con. Ba  
vuông sánh với bảy tròn,  
Đời cha vinh hiển, đời con sang giàu"*

Cho nên những người có đức, có nhân nghĩa không bao giờ nghèo về về vật chất lẫn tinh thần:

*"Thiên cao đã có thánh tri,  
Người nhân nghĩa chẳng hàn vi bao giờ."*

Dầu cho có nghèo về đời sống vật chất, người nhân nghĩa cũng giàu về đường nhân ái, là cái có giá trị rất quý của người đạt nhân.

Hình ảnh *vuông tròn* là minh triết Việt đã được ông Tiên mách bảo cho Lang Liêu làm ra bánh dày, bánh chưng tượng trưng cho Đạo Việt: Đạo tu, tề, trị, bình, nói theo hình ảnh là Đạo *vuông tròn*.

Tinh thần minh triết của văn hóa Việt đã thực sự đi sâu vào đời sống dân tộc từ hàng ngàn năm, cho nên bánh dày bánh chưng trở thành lễ vật chính của những ngày quốc



lễ cũng như lễ cưới hỏi trong dân gian:

”Ước gì ta được quần thâm,  
Thì ta làm cỗ mời mâm bánh dày.  
Bánh chưng cho lẫn bánh dày,  
Giò hoa chả lụa ta bày lên trên.  
Quang nong tám rế cho bên,  
Mượn người cho khô gánh lên họ hàng.”

Hay trong tục thách cưới ngày  
xưa: ”Cam Lường, trù ( trầu ) Chở mười  
nóc cho đằm,

Bánh chưng khoảng tám trăm,  
Bánh dày xin tứ bát.

( Lường, Hiếu: Địa danh thuộc Nghệ  
An. Nóc: thuyền có mũi )

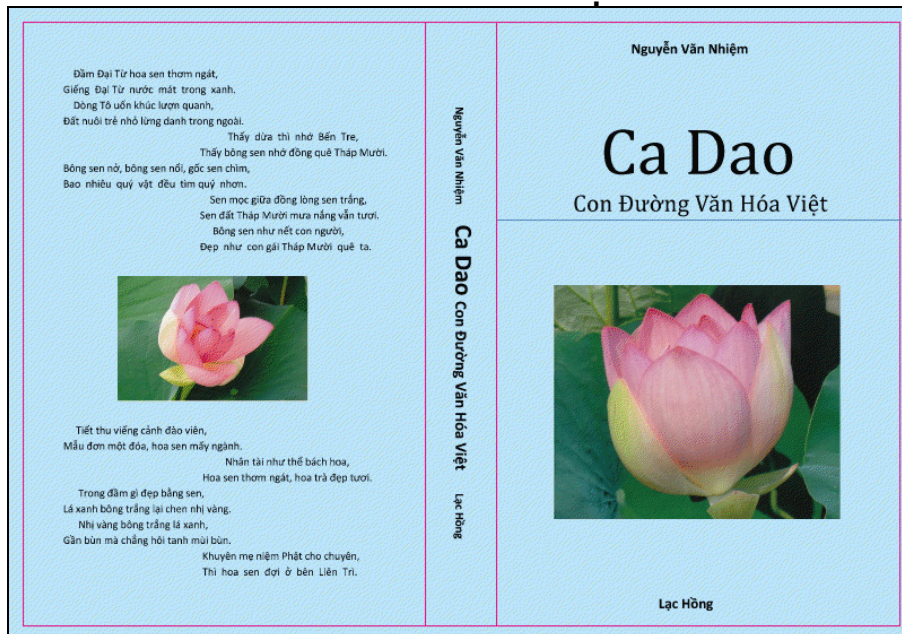
**Phụ chú:**

Hình ảnh biểu tượng là nét đặc trưng riêng  
của một nền văn hóa. Giữa các nền văn

hóa có thể có những hình ảnh biểu tượng có  
ý nghĩa giống nhau và khác nhau. Cho nên  
khi xét giá trị hình ảnh biểu tượng của một  
nền văn hóa cũng nên để ý đến quan điểm.  
Lấy ví dụ về hình ảnh biểu tượng rồng  
chẳng hạn. Rồng trong huyền thoại Tây  
phương phun lửa, gieo tai ách cho dân  
lành, còn rồng trong văn hóa Việt khác hẳn,  
như Lạc Long Quân diệt trừ Mộc Tinh,  
Ngư Tinh, Hồ Tinh cứu dân, độ thế. Rồng ở  
Dịch chỉ nguyên khí trong trời đất mà  
người quân tử phải biết tùy thời nắm bắt,  
điều động. Rồng trong Ca Dao chỉ tiềm  
năng của người anh hùng khi ẩn, khi hiện.

**Nguyễn Văn Nhiệm**  
(Germany)

**CỔ THƠM GIỚI THIỆU**



Liên lạc: Lạc Hồng – Bismarck Str. 24 – 78549 Sapichingen – Germany;  
<songdinh81@gmail.com>; Tel. 07424/7529

# DI SẢN ĐỂ LẠI CHO ĐỜI

## Phạm Xuân Thái

Thân mẫu của bạn tôi vừa qua đời, anh tổ chức buổi lễ cầu nguyện tại gia, và mời tôi cùng góp lời cầu nguyện cho Mẹ anh. Ngồi nghe những lời giảng của linh mục chủ tế và các lời phân ưu nói về công ơn dưỡng dục của người Mẹ, tôi không cầm được nước mắt. Liên tiếp trong hai năm qua, Bồ Mẹ tôi cũng đã lần lượt ra đi. Giỗ đầu của Mẹ tôi vừa được tổ chức cách đó 10 ngày.

Hai tuần trước, chúng tôi đi thăm người em họ bị bệnh nặng tại San Francisco, trở về lại Virginia vài ngày sau thì anh ta cũng đã ra đi. Một số bạn bè của tôi cũng bắt đầu ra đi ở lứa tuổi 60s. Đời sống quá ngắn ngủi, càng ngày sự sống và cái chết càng xích lại gần nhau hơn.

Năm 2012 Census Bureau ước tính: năm 2015 đàn ông tuổi thọ trung bình 76.4 tuổi và đàn bà tuổi thọ trung bình 81.4 tuổi. Vì sự tiến bộ của y khoa nên tuổi thọ trung bình của dân Mỹ được tăng thêm chút đỉnh so với năm 2012.

Đọc bài “Lời Trối Trăn của Đại Đế Alexander” tôi thấy rất thấm thía. Xin dịch từ nguyên tác: *The Last Words of Alexander the Great\**, mời quý vị đọc để cùng chiêm nghiệm:

*"Trên đường trở về sau khi xâm chiếm và chinh phục nhiều nước trên thế giới, Alexander ngã bệnh nặng, nằm chờ chết.*

*Khi đối diện với tử thần, ông bỗng nhận ra rằng: những chiến tích, quân đội hùng*



*manh, lưỡi gươm sắc bén, tiền tài của cải... chẳng đem lại điều gì khi ta nằm xuống. Giờ đây ông chỉ ao ước được nhìn lại gương mặt người mẹ hiền để nói với bà lời vĩnh biệt. Nhưng ông đành phải chấp nhận với sự thật rằng, ông đang đối diện với sức khoẻ đang tàn lụn của ông và bệnh tật không cho phép ông trở về*

*nơi quê nhà xa xăm kia nữa. Vị vua oai hùng giờ đây nằm liệt giường, gương mặt xanh xao, mệt lả, chờ phút lâm chung.*

*Alexander triệu tập các tướng lĩnh và nói: "Ta sắp lìa cõi thế gian này và ta có 3 điều ước, các ngươi hãy ghi nhớ và thực hành cho đúng".*

*Nước mắt lăn dài trên má, các vị tướng cúi đầu vâng lệnh, và hứa sẽ thi hành đúng những điều ước của Đại Đế.*

*"Điều ước muốn thứ nhất của ta là ..." Alexander nói, "các y sĩ của ta phải kiêng quan tài của ta". Ngừng một lát, ông tiếp: "Điều ước muốn thứ hai là quan tài của ta phải được kiêng tới mộ phần trên con đường rải bằng vàng, bạc, và đá quý mà ta cất giữ trong kho châu báu." Đại Đế kiệt sức sau khi tuyên bố những lời trên, ông nghỉ một phút rồi tiếp: " Điều ước muốn thứ ba của ta là hãy để hai bàn tay ta thông ra ngoài quan tài."*

## Nhấn Mùa Đông

Đông có lạnh hây vào đây sưởi ấm  
Thân áo ta còn trống một ngấn này  
Bên phía trái nơi chiều mưa thuở trước  
Ta ủ người yêu hương tóc còn đây

Nguyễn Đức Vinh

## Sầu Đông

Nàng đã ở cách xa muôn vạn dặm  
Mà sao ta vẫn mê đắm mong chờ  
Thu đã tàn đông lạnh lùng lại tới  
Em ở nơi nào có nhớ áo anh không?

Anh vẫn ước một mùa đông nào đó  
Em trở về cho anh ủ tóc mây  
Ta nói lại đây tơ hồng ngày ấy  
Lấp cho đầy hai chữ nhớ thương nhau.

Hồng Thủy

(Nối tiếp bốn câu thơ của Nguyễn Đức Vinh)

Mọi người đều ngạc nhiên trước những ước muốn cuối cùng của Đại Đế Alexander. Tuy vậy, không ai dám hé môi lên thắc mắc của mình. Một vị tướng thân cận với Alexander hôn lên tay ông, đặt tay ông lên ngực mình và nói: “Thưa Đại Đế, chúng thần xin hứa sẽ hoàn tất tốt đẹp tất cả những ước nguyện của Ngài, nhưng xin Ngài cho biết lý do tại sao Ngài có những điều ước lạ lùng này không?” Lúc bấy giờ Alexander hít một hơi dài rồi nói: “Ta muốn thế giới biết 3 bài học mà ta đã lãnh hội được:

“Ta muốn các y sĩ của ta kiêng quan tài vì người ta phải hiểu rằng các y sĩ không cứu chữa được ai cả; họ không có khả năng để có thể cứu vớt con người khỏi những móng vuốt của tử thần. Bởi thế, con người không nên xem nhẹ đời sống của mình.

Điều ước thứ hai “trái vàng, bạc, châu báu trên lối đi đến nghĩa trang”. Ta muốn con người hiểu rằng: mặc dầu ta đã dùng suốt cuộc đời để tạo ra của cải, nhưng khi chết, ta không mang theo được một mảnh vàng nhỏ nào cả. Con người hãy hiểu rằng: theo đuổi làm giàu chỉ phí thì giờ vô ích!

Và về điều ước muốn thứ ba “muốn thòng hai tay ra ngoài quan tài”. Với điều ước này, ta mong ước con người hiểu rằng: ta vào đời với hai bàn tay trắng, và lìa đời cũng với hai bàn tay trắng mà thôi.”

Nói xong, nhà vua nhắm mắt lại. Trong phút chốc, tử thần đã chinh phục ông, và ông đã trút hơi thở cuối cùng.”

Truyện này cho chúng ta những bài học cần ghi nhớ:

- Sức khoẻ của bạn nằm trong tay bạn, hãy săn sóc nó kỹ lưỡng. Tuổi thọ của bạn dài hay ngắn tùy thuộc vào cách sống của

bạn. Không một bác sĩ nào có thể giúp chúng ta tránh khỏi lưỡi hái của tử thần.

- Của cải chỉ có ý nghĩa nếu bạn có thể hưởng thụ lúc bạn còn sống khoẻ mạnh. Không nên làm lụng hoặc tích lũy tài sản một cách thái quá, bởi vì ta vào đời với hai bàn tay trắng, và khi ra đi cũng chỉ với hai bàn tay trắng mà thôi.

- Những gì bạn làm cho bạn, sẽ chết theo bạn, nhưng những gì bạn làm cho người khác, hoặc cho cộng đồng, xã hội sẽ sống mãi, và đó là Di Sản của bạn để lại cho đời.

\*(The Last Words of Alexander the Great.

Alexander, after conquering many kingdoms, was returning home. On the way, he fell ill and it took him to his death bed. With death staring him in his face, Alexander realized how his conquests, his great army, his sharp sword and all his wealth were of no consequence. He now longed to reach home to see his mother's face and bid her his last adieu. But, he had to accept the fact that his sinking health would not permit Him to reach his distant homeland. So, the mighty conqueror lay prostrate and pale, helplessly waiting to breathe his last.

He called his generals and said, "I will depart from this world soon, I have three wishes, please carry them out without fail." With tears flowing down their cheeks, the generals agreed to abide by their king's last wishes.

"My first desire is that", said Alexander, "My physicians alone must" carry my coffin." After a pause, he continued, "Secondly, I desire that when my coffin is being carried to the grave, the path leading to the graveyard be strewn with gold, silver

and precious stones which I have collected in my treasury". The king felt exhausted after saying this. He took a minute's rest and continued. "My third and last wish is that both my hands be kept dangling out of my coffin".

The people who had gathered there wondered at the king's strange wishes. But no one dared bring the question to their lips.. Alexander's favorite general kissed his hand and pressed them to his heart. "O king, we assure you that your wishes will all be fulfilled. But tell us why do you make such strange wishes?" At this Alexander took a deep breath and said: "I would like the world to know of the three lessons I have just learnt.

I want my physicians to carry my coffin because people should realize that no doctor can really cure any body. They are powerless and cannot save a person from the clutches of death. So let not people take life for granted.

The second wish of strewing gold, silver and other riches on the way to the graveyard is to tell People that not even a fraction of gold will come with me. I spent all my life earning riches but cannot take anything with me. Let people realize that it is a sheer waste of time to chase wealth. And about my third wish of having my hands dangling out of the coffin, I wish people to know that I came empty handed into this world and empty handed I go out of this world".

With these words, the king closed his eyes. Soon he let death conquer him and breathed his last.)

**Phạm Xuân Thái**

# LOẠN LY

## Ỡ NGUYỄN

Cuộc sống an bình của gia đình chúng tôi tại thành Phố Hải Phòng không kéo dài được bao lâu kể từ ngày người Nhật rút khỏi Việt Nam và người Pháp trở lại Đông Dương. Ngày 19 tháng 12 năm 1946, Việt Minh phát động ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp. Chiến tranh bùng nổ, thúc đẩy gia đình chúng tôi phải xa lìa đất Cảng thân yêu.

Ngày hôm ấy, khi tiếng súng giao tranh bùng nổ, dân chúng cư ngụ trong thành phố Hải Phòng xôn xao lo lắng và phân vân không biết phải làm sao, người người xăm xì bàn tán về sự kiện đi hay ở. Bố mẹ tôi cũng vậy, thấy thiên hạ rục rịch bảo nhau chạy loạn nên cũng lo gói ghém ít quần áo và đồ dùng vặt vãnh bỏ trong từng túi nải nhỏ và chia cho chúng tôi mỗi người một túi, phòng hờ nếu có phải đi sẽ đem theo người. Cũng như nhiều gia đình khác trong khu ngõ Hải Hồng, đường Cát Dài, gia đình chúng tôi rời nhà từ sáng sớm tinh mơ hôm đó trong tiếng súng giao tranh và trong lo âu sợ hãi. Thông thường bà ngoại tôi ở với cậu Thành, con út của cụ, bên kia cầu Hạ Lý, gần nhà máy xi măng Hải Phòng. Ngoại mới sang thăm bố mẹ tôi được vài bữa đúng lúc biến cố này xảy ra nên cụ đành phải đi theo gia đình chúng tôi dù rằng chẳng biết sẽ đi đâu.

Giữa lúc bố mẹ tôi lo khóa cửa, bốn anh em chúng tôi gồm anh Kỳ lúc đó 8 tuổi, cô Tâm 5 tuổi, cậu Khôi 4 tuổi và tôi 7 tuổi,

không hiểu tại sao lại đi theo gia đình một người hàng xóm kế bên nhà. Đi ra khỏi nhà đã lâu, nhìn quanh không thấy bố mẹ đâu, bốn anh em chúng tôi lo sợ quá, mặt mày ngơ ngáo! Càng sợ chúng tôi lại càng phải bám chặt lấy ông bà hàng xóm này không rời một bước. Chúng tôi đi trên những con đường đất đỏ gồ ghề, sỏi đá, rồi băng qua những khu ruộng cạn nước, lóp nhóp những bùn là bùn, ló nhô những gốc rạ mới cắt nằm ngổn ngang trên mặt ruộng. Thằng em Khôi mệt lả vì đói và khát sau gần một ngày trời đi bộ. Đôi lần nó vấp ngã chúi đầu về phía trước văng cả dép khiến tôi phải luôn luôn cầm tay nó kéo đi theo bên. Khôi khóc luôn miệng vì nhớ mẹ. Đi theo gia đình ông bà hàng xóm cho đến chiều tối hôm đó thì ông bà ta giao bốn anh em chúng tôi cho một gia đình nông dân tại một làng nọ và dặn anh em chúng tôi ở lại đây đợi bố mẹ sẽ tới tìm. Thực sống sờ, thực bỡ ngỡ, anh em chúng tôi cứ đứng quanh quẩn bên nhau không dám đi đâu. Xung quanh chúng tôi toàn người lạ, từ cách ăn mặc đến giọng nói hoàn toàn khác biệt với người thành thị. Họ rất vui vẻ và vồn vã thăm hỏi chúng tôi. Tối đến không có đèn điện như ở thành phố. Ánh đèn dầu le lói không đủ sáng để nhìn rõ mặt người khiến thằng em Khôi cứ phải bám sát lấy tôi. Cả bốn anh em lần đầu tiên phải xa bố mẹ, và chung quanh đều là người lớn và xa lạ nên chúng tôi dù chẳng ai nói với ai nhưng cùng nơm nớp sợ. Tôi kém anh Kỳ một tuổi đáng lẽ anh tôi phải có trách nhiệm với các em, nhưng không hiểu tại sao bên cạnh thằng em ba tuổi ngây ngô bé bỏng tôi lại hành động như một người lớn là có

bốn phận phải chăm sóc và dỗ dành nó thay vì là anh tôi.

Dù chưa từng quen biết nhau, nhưng ông bà chủ nhà đối đãi với chúng tôi thật tận tình và chu đáo. Càng về đêm Khôi càng khóc nhiều vì khung cảnh khác lạ ở đây. Lúc đó tôi không biết phải làm sao để dỗ cho em nó nín vì chính tôi cũng lo sợ tột cùng. Bà mẹ của ông chủ nhà rất từ tâm, thương cảm thằng em Khôi nên bế nó vào lòng vỗ về an ủi. Tôi lo lắng quá, không hiểu rồi đây anh em chúng tôi sẽ ra sao nếu bố mẹ không tìm thấy chúng tôi. Ai mà dám đứng ra nuôi tất cả bốn anh em chứ? Như vậy chắc chắn anh em chúng tôi sẽ mỗi người một nơi. Mỗi đứa sẽ phải đi làm con nuôi cho mỗi gia đình khác nhau ở trong làng đó, hoặc phải đi ở đợ, làm thuê làm mướn cho cư dân trong làng. Kinh khủng quá! Tôi không hiểu cái cảnh ly tán này sẽ kéo dài đến bao giờ đây? Tương lai của anh em chúng tôi sẽ ra sao, nếu chúng tôi không còn gặp lại bố mẹ? Ngày nào cũng có vài người đến tìm con cái thất lạc. Anh em chúng tôi hí hửng chạy ra đầu cổng đón mừng nhưng rồi lại chùng hững và thất vọng vì không phải là bố mẹ mình. Cảnh trông ngóng này cứ tiếp diễn như vậy từ ngày này qua ngày khác. Niềm hy vọng của anh em chúng tôi càng ngày càng mờ nhạt. Cũng vì tuổi thơ dễ quên, buồn đó rồi lại vui đó. Ban ngày chúng tôi vui chơi, chạy nhảy với nhiều đứa trẻ đồng tuổi con cháu của ông bà chủ nhà ở ngoài đồng ruộng, thả diều, bắt bướm, bắt chuồn chuồn. Và tôi đã học được câu ca này từ đây: "*Chuồn chuồn có cánh thì bay, có thằng kẻ trộm bắt mày sau lưng.*"

Buổi trưa, trời nắng gay gắt, tất cả ngồi lại với nhau dưới mái hiên nhà để nghe tiếng gió xi xào từ những rặng tre xanh bao quanh nhà thổi vào mát rượi. Nhìn những con trâu mộng đằm mình trong vũng nước bùn, đôi mắt lim dim, cái hàm trâu vĩ đại nhai qua nhai lại những cọng rơm vương vãi. Chiếc đuôi dài luôn luôn phe phẩy để xua đuổi ruồi muỗi đậu trên lưng. Trông thực nhân nhả, thực thành thoi. Thằng em Khôi được bà cụ chiều chuộng ôm ấp ngủ trưa trên chiếc võng đu đưa kẽo kẹt ngoài đầu hè. Anh Kỳ theo chân các bác tá điền đổ thóc ra sân gạch phơi cho khô và chiều tối lại hót đố vào những chiếc bồ lớn tướng đặt ở góc nhà. Cô Tâm và tôi ngồi quanh mấy chị gái quê xem họ xay lúa, giã gạo hoặc sàng gạo. Chị em tôi cũng muốn học sàng học sảy nhưng hai bàn tay nhỏ xíu của chúng tôi chẳng thể nào bê nổi cái nia cái sàng. Họ vừa làm việc vừa hát hò vui vẻ. Mọi hình ảnh nơi đây rất mới lạ làm chúng tôi cảm thấy khuây khoa trong chốc lát.

Rồi sự mong đợi của anh em chúng tôi đã hiện thành... Sáng hôm đó khi vừng đông vừa ló dạng sau rặng tre đầu làng, mọi người trong nhà đều đã thức giấc để lo công việc thường ngày, anh em chúng tôi đang chơi quanh quần ở trong sân thì tin vui chợt đến. Từ trong sân nhà nhìn ra phía cổng, một bác nông dân đang đưa bố mẹ tôi vào nhà để nhận diện chúng tôi, theo sau là bà ngoại, chị Mai và thằng em Đạt. Ôi! Còn nỗi vui mừng nào có thể so sánh với nỗi mừng khôn tả này khi chúng tôi gặp lại được người thân của mình, thế là cả bốn anh em oà lên khóc nức nở với nhau và chạy ra ôm chầm lấy bố mẹ, làm bà cụ mẹ ông chủ nhà đang đứng cạnh đó cũng mũi lòng khóc theo. Thằng em Khôi gặp lại mẹ

tôi lại khóc to hơn. Mẹ ôm lấy nó thực gần, thực sát như để đền bù những ngày mẹ xa con cũng như con vắng mẹ. Bố tôi nghẹn ngào thăm hỏi các con xoắn xuýt. Chưa bao giờ tôi thấy bố khóc, vậy mà hôm ấy mắt bố đỏ hoe khi gặp lại chúng tôi. Bên ấm nước chè tươi bốc khói bố mẹ và ông bà chủ nhà ngồi đàm đạo thật lâu, chắc hẳn là để cảm ơn gia đình ông ta đã tận tình chăm lo cho anh em chúng tôi mấy ngày qua. Và đến lúc này chúng tôi mới hay đây là gia đình ông bà Lý Trường X thuộc một làng nọ ở tỉnh Kiến An gần Hải Phòng.

Đến khi phải từ giã gia đình ông Lý Trường, anh em chúng tôi cảm thấy lưu luyến vô cùng. Riêng tôi, tôi thấy mang mang thèm nhớ những bữa ăn sáng với khoai lang luộc, hoặc sắn luộc, hoặc sôlê; những bữa cơm thanh đạm y như hồi chúng tôi tá túc tại nhà bác Đình ở làng Phú Thái trước đây không lâu khi đi lánh nạn bom Nhật và bom Mỹ. Cũng những món ăn đạm bạc của miền quê với tép đồng rang, nhộng rang, rau dền nấu nước mắm cáy, ăn với cơm gạo đỏ bụi miệng lạ thường, khác hẳn với những món ăn thành thị mà mẹ tôi nấu hàng ngày trước đây. Rồi hình ảnh các bác tá điền đập lúa, giã gạo dưới trăng đêm cười cười, nói nói pha trò cho chúng tôi đỡ buồn, lại là một điều làm anh em chúng tôi quyến luyến không muốn rời đi.

Tất cả những cử chỉ thân thương và nhân ái của gia đình ông bà Lý Trường đối với chúng tôi dù trong khoảnh khắc, đã là một kỷ niệm thân yêu đượm tình người, một vết son đỏ thắm lưu lại đời đời trong ký ức non dại của anh em tôi. Tôi suy nghĩ rất nhiều về điều này và tin rằng: "*Bố mẹ tôi đã*

*ăn hiền ở lành, nên chúng tôi mới nhận được phúc báu như vậy*".

### NHỮNG NGÀY LƯU LẠC

Và rồi cuộc hành trình không định hướng đã được bố mẹ tôi bàn tính. Bố muốn đưa gia đình đi thẳng tới tỉnh Thanh Hoá. Mẹ ngại ngại vì quá xa. Bố bàn với mẹ: "*Từ ngày làm bạn với nhau, tôi chưa có dịp đưa Mẹ và các con về thăm bên nội thì đây cũng là cơ hội để gia đình nhà mình thực hiện điều mong ước này.*"

"... *Chúng ta sẽ phải đáp tàu hỏa chạy qua các tỉnh Hà Đông, Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình mới tới tỉnh Thanh Hóa, cũng phải mất hết nửa ngày trời. Thêm nữa, tôi nghĩ Mẹ và các con sẽ thích nơi đây. Thanh Hóa là một thị trấn lớn ở miền Trung, không xa Hà Nội và Hải Phòng là mấy, khí hậu ôn hòa, với bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông. Một vùng đồng bằng nằm sát Biển Đông nên đất đai rất phì nhiêu bao quanh bởi rừng rậm xanh um, với núi đồi trùng trùng điệp điệp, với sông dài uốn quanh, với đồng lúa chín vàng bát ngát bao la. Đi về phía Nam sẽ đụng các tỉnh Vinh, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên. Người dân Thanh Hóa hiền lành, chất phác, cần cù và chịu đựng. Họ sinh sống bằng nghề nông, nghề làm nước mắm, làm nôi, chum vại, chén bát bằng đất sét và các nghề lao động khác...*" Nghe bố kể sơ sơ về Thanh Hóa, mẹ và chúng tôi im lặng như biểu đồng tình với bố, và lại đây là chạy loạn chứ đâu phải đi du lịch mà mọi người có quyền chọn lựa, ra đi để tìm sự an toàn cho tất cả mà.

Cuối cùng chúng tôi cũng đã có mặt tại đất Thanh sau một cuộc hành trình vất vả

bằng đường xe lửa. Trạm dừng chân đầu tiên của chúng tôi là khu phố Đò Lèn nơi ông bà nội chúng tôi đã lập nghiệp tại đây từ nhiều năm. Khi còn sinh thời ông tôi làm xếp ga cho sở Hoà Xa tỉnh Thanh Hóa. Chỉ tiếc là ông không còn nữa để con cháu gặp gỡ, cụ đã qua đời từ mấy năm trước đó. Bố tôi còn có mấy người anh người chị cũng lập nghiệp tại xứ Thanh. Gia đình ông anh của bố tôi là bác Huệ sinh sống tại làng Các, rất gần với Đò Lèn. Gia đình cô chú Tiếp và cô Lan cũng ở đâu đó trong tỉnh Thanh và gia đình bác Đốc Nguyên, chị gái của bố tôi lại ở ngay giữa tỉnh Thanh Hoá, phải đi tới hai ngày đò dọc mới tới nơi.

Ngày đầu xum họp với các chú bác, cô dì, cậu mợ và các anh em trong họ thực vui. Đông quá đếm không xuể, nguyên chỉ nhớ tên không thôi cũng đủ nhức đầu. Nơi chúng tôi trú ngụ tạm thời là dinh cơ đồ sộ của ông bà nội, gồm ba gian nhà mái ngói rộng thênh thang, tường vôi, sân gạch đỏ thẫm. Ở gian giữa tôi thấy có một bàn thờ gia tiên với lư đồng và đôi chân nến cùng hai câu đối sơn son thiếp vàng treo ở hai bên. Một cỗ quan tài bằng gỗ màu rệu rạc kê sát cạnh bàn thờ mà chúng tôi nghe nói là để dành cho bà nội khi cụ qui Tiên. Cuối sân là một cái bể đựng nước mưa thực lớn, bên trên có đặt Tượng Phật Bà Quan Âm, chung quanh nhà cây cối xanh um. Một cây nhãn cao chót vót, với những chùm nhãn thực sai trái nặng trĩu rủ xuống sát đầu người. Mặc dầu bà nội đã cho dựng một cây rom làm bù nhìn đứng cạnh ở cạnh bên vậy mà chim chóc cũng chẳng từ, nhất là khi nhãn chín, mùi thơm bay toả khắp vườn. Lại còn mấy cây bông bông, cây na, mọc quanh nhà, cây nào cũng sai trái nên ít

khi bà nội phải mua trái cây ở ngoài chợ. Cuối vườn một cây dâu da quả chi chít. Tôi thích loại quả này lắm, trông xa giống như quả nhãn nhưng hương vị lại khác, hơi dòn dốt, rất lạ miệng, và ăn luôn được cả hạt cho nên tôi cứ dính dấp không có ai là hái bỏ vào miệng ăn ngấu nghiến. Có lần bắt gặp tôi ăn vụng như vậy một ông chú dọa tôi: "*Chết rồi, ai bảo mày nuốt hạt, mai mốt nó sẽ lên cây trong bụng và cành lá sẽ mọc tua tủa qua lỗ tai, lỗ mũi và đi đâu cũng phải mang cây này theo mình....*" Giời ơi! Tôi sợ hết vía mà không dám tiết lộ với ai vì cứ tin lời chú mình nói là thực nên đâm ra lo sợ và mong cho nó chóng ra khỏi bộ phận tiêu hoá của mình nên cứ phải canh chừng mãi. Lúc đó tôi cũng đã lớn, hơn 8 tuổi rồi mà sao mình lại ngu dần đến thế nhỉ? Tôi mất ăn mất ngủ vì chuyện này cho đến khi thấy một người anh họ ăn dâu da nuốt hạt tuốt luốt lúc đó tôi mới biết là ông chú mình đã dọa mình. Kế bên cây bưởi là một cây hoa Ngọc Lan hương thơm ngào ngạt tỏa khắp cả khu vườn. Bà nội tôi thường sai mấy đứa cháu gái hái những cành hoa Ngọc Lan hay hoa cúc vàng ở sau nhà đặt lên bể nước để cúng Phật vào những ngày rằm, mừng một mỗi tháng. Chị Mai tôi cả ngày mê mẩn với những cành hoa Ngọc Lan nên khi được bà nội nhờ hái hoa chị mừng lắm vì thế nào chị cũng có được vài bông Ngọc Lan để ướp trong túi áo hay để đầu giường.

Vào năm đó bà nội tôi khoảng trên bảy mươi, rụng hết cả răng, móm mém nhưng vẫn còn nhai tràu bôm bôm. Các cháu nội ngoại xúm nhau nhai tràu cho cụ khi cần. Cụ có cái cối gĩa tràu nhỏ xíu bằng đồng, đeo lưng lẳng ở ruột tượng, cụ đi đến đâu



con cháu đều biết vì cối chày đụng vào nhau kêu lèng kèng. Cụ sử dụng cối này để giã trầu khi không có các cháu ở bên. Răng lợi không có mà cụ lại thích ăn bánh đa nướng nên cối chày này rất hữu dụng.

Những đêm đông lạnh giá ở Đò Lèn, các cháu thường ngồi chúi đầu vào bếp rơm đợi ăn khoai lang nướng vùi trong tro và để mong có chút hơi lửa ấm, hay đôi khi rúc một lũ với nhau trong ổ rơm để nghe bà nội kể chuyện cổ tích. Tiếng bà nội ròn rảng kể đầu vào đấy, có đầu có đuôi, nghe thực thích thú. Đôi lúc cụ kể chuyện Tề Thiên Đại Thánh, chuyện ma, chuyện quỷ nhập tràng, các cháu sợ co rúm lại với nhau, la ó, rồi ôm nhau cười sặc sụa.

Ông nội tôi có tới hai vợ. Cả hai cụ bà sinh được tất cả 11 người con, trai có, gái có, mà người nào cũng được ăn học đoàn hoàng, hầu hết đều đậu bằng sơ học yếu lược Pháp. Vào thời kỳ đó có được tấm bằng tiểu học cũng là khá. Làm Tham làm Phán cho sở Hoà Xa như bố tôi cũng chỉ có bằng này. Cụ giao dịch với người Pháp, nói tiếng Tây lâu lâu. Bác Nguyễn là chị gái lớn nhất của bố tôi cũng chỉ đậu bằng thành chung mà làm đến chức đốc học nên cả họ gọi bác là bác Đốc Nguyễn.

Chỉ trong một thời gian ngắn sinh sống tại Đò Lèn, dần dà anh em chúng tôi hầu như đã hội nhập vào nếp sống của người dân địa phương tại đây. Mấy chị em tôi đã bắt chước nhuộm răng đen và ăn trầu giống mấy cô gái quê trong làng Các. Cũng tập mò cua bắt ốc mà lại sợ đĩa nên chả làm được trò trống gì. Rồi lại bập bẹ bắt chước nói theo giọng người Thanh Hóa làm bố tôi có vẻ hơi khó chịu, chẳng hạn khi hỏi một cô gái đi đâu thì người ta sẽ hỏi như vầy: "*O*

*đi mô rúa?*", hoặc có nhiều danh từ mà mới đầu nghe cũng hơi ngỡ ngàng song lâu rồi cũng quen đi. Ví dụ: "Ngày thì đi cắt *lọ* mùa, tối về đập *lọ*, sao rúa thẳng *chốc*, lấy ai than thở *cùng chắt*." Có nghĩa là: "*Ngày thì đi cắt lúa mùa, đêm về đập lúa sao rúa thẳng đầu, lấy ai than thở cùng nhau*". Nghe cũng hay hay!

Nhưng những ngày tháng hạnh phúc khởi đầu ở Đò Lèn chẳng kéo dài được bao lâu, dần dần trảm chỗ bởi những lo âu phiền muộn về vấn đề sinh kế. Tiền bạc mà mẹ tôi đem theo để dự trữ cho những ngày lưu lạc cạn dần. Bố tôi không có công ăn việc làm. Chín miệng ăn trong gia đình đương nhiên phải là một vấn đề lo lắng cho bố mẹ. Trong bữa ăn tôi để ý không còn thấy thịt, thấy cá xôm tụ như trước mà chỉ toàn là rau cà mắm muối. Chỉ riêng lo tiền mua gạo không thôi cũng là điều khó khăn đối với bố mẹ tôi lúc này. Tôi và anh Kỳ phải theo phụ bà ngoại vào rừng quét lá khô, cành cây khô đem về cho mẹ nấu thay củi. Cũng vì lẽ đó mà Minh-Tâm, đứa em gái cùng cha khác mẹ với chúng tôi cũng bị miễn cưỡng cho đi ở tạm với một người bà con trong họ ở làng Các để giảm thiểu khẩu phần trong gia đình.

Ở lại Đò Lèn thêm một thời gian ngắn, bố tôi thấy không ổn nên người quyết định đưa gia đình vào Hàm Rồng, một tỉnh lỵ nhỏ thuộc thị xã Đông Sơn nằm cận ngay trung tâm thị trấn Thanh Hoa, thành phố lớn, dân số đông đúc hơn ở Đò Lèn may ra có cơ hội tìm kế sinh nhai dễ dàng hơn.

Tại Hàm Rồng, bố mẹ tôi mở tiệm ăn chung với cô Phương, em gái của bố tôi. Cô tôi có chồng là người Pháp làm việc cho sở Hoà Xa ở thành phố Hà Nội. Cũng tại chiến

tranh, cô sợ liên lụy nên phải bỏ lại sau lưng cả chồng lẫn hai đứa con để chạy tản cư về đây như nhiều gia đình khác.

Việc hùn hạp buôn bán rất phát đạt. Khách hàng tấp nập ngày đêm làm bố mẹ và cô tôi phấn khởi vô cùng. Bố tôi đặt tên cho tiệm ăn này là "Quán Tản Cư" và đề xướng hai câu thơ trên vách tường như sau: "*Ăn cơm ngủ lại tiền không mất. Ngủ lại không ăn trả hai đồng*". Quán Tản Cư của bố mẹ tôi chuyên bán cơm bữa nên khách buôn hàng chuyển từ các tỉnh lân cận như tỉnh Vinh, Nghệ Tĩnh, Nghệ An ghé vào ăn cơm và ngủ lại qua đêm để đợi đò dọc về xuôi sáng ngày hôm sau. Nếu khách ăn cơm tại quán chiều hôm đó, khách không phải trả tiền ngủ trọ qua đêm, còn nếu ngủ lại qua đêm mà không ăn uống gì thì khách phải trả tiền trọ hai đồng.

Bến sông Hàm Rồng nơi bố mẹ tôi cho dựng quán tranh làm tiệm ăn, trước kia chỉ là một bờ sông hẻo lánh, vắng vẻ, nhưng từ ngày người dân thành thị từ Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh thuộc miền Bắc tản cư về đây lánh nạn chiến tranh đã lập thành một khu phố buôn bán xầm uất, gồm đến hơn 30 gia đình. Trong đó có gia đình của mấy ông chú tôi cũng mở tiệm ăn ở đây nên chúng tôi rất vui vì có anh em họ hàng ở cận kề bên nhau.

Quán "Tản Cư" được dựng lên bằng vách đất, mái tranh, lại ở gần bờ sông nên rất thoáng đãng. Nhà có 2 phòng ngủ lớn đủ cho gia đình nhà tôi thêm hai phòng nhỏ dành cho khách hàng trọ đêm. Nhà bếp dựng ở phía sau và một hầm xí sơ sài. Nền nhà bằng đất sét, khi ướt rất trơn nên đã có lần tôi bị trượt chân ngã chúi đầu vào một chiếc thau đồng đựng nước có cạnh sắc

bén đặt ở góc nhà, máu từ sống mũi chảy ra, chắc là đau lắm nhưng sợ bị bố mẹ la mắng nên tôi im bặt không dám hé môi. Rồi vết thương lành lúc nào tôi cũng không hay, có điều thương tích này đã để lại một vết sẹo nho nhỏ ngang sống mũi, trông tôi đã xấu lại xấu thêm!

Cũng vì nuông chiều con cái nên bố tôi thuê người cửa đục vào những cây cột nhà bằng cây tre rỗng ruột, có nhiều đốt ngắn cỡ hai gang tay, để làm những ống đựng tiền riêng biệt cho mỗi đứa tôi. Hay thiệt! Tiền để dành ở ngay trước mắt nhưng chẳng ai dám sờ rờ tới trừ khi phải đục lỗ đựng tiền lớn hơn mới có thể lấy tiền ra được. Bao nhiêu tiền kêm, tiền đồng mà bố mẹ cho, hoặc tiền mừng tuổi Tết, chúng tôi đều để dành hết vào ống đựng tiền này. Lúc đó anh em chúng tôi chưa biết tiêu tiền và lại ở những vùng đèo heo hút gió, tỉnh lẻ xa xôi như thế ấy đâu có gì để mà mua mà sắm.

Việc buôn bán càng ngày càng khấm khá nên bố mẹ tôi muốn tới hai ba người làm để phụ bếp với mẹ và dọn dẹp nhà cửa cùng là tiếp khách. Cô tôi là thân ngân. Mẹ tôi tuy bé nhỏ nhưng rất nhanh nhẹn, mẹ là bếp chính, còn bố lo đủ mọi việc lật vật bên ngoài để phụ giúp mẹ tôi và cô tôi. Lâu lâu thấy mẹ vất vả bố lại an ủi: "*Nếu không có chiến tranh thì gia đình nhà mình đâu phải phiêu bạt về đây và mẹ đâu có phải cực nhọc vất vả như thế này!*"

Cuộc sống tại Hàm Rồng coi như rất thoải mái. Sáng sáng cả nhà thường dùng điểm tâm bằng món ăn đặc sản của xứ Thanh mà bà hàng bán rong đi quanh phố mời chào. Đây là một loại đồ biển đặc biệt giống như con mực, nhỏ xíu bằng đốt ngón tay mà người dân địa phương gọi là "Con Phi" được

hấp lên thực đơn giản. Thấy mọi người lúc ấy ăn cả nước lẫn cái, khen ngon và bổ nên tôi nghĩ con phi này chắc phải độc đáo lắm. Không hiểu tại sao hồi đó tôi không dám ăn thử để bây giờ nghĩ lại thấy thèm và tiếc ghê gớm! Ăn sáng xong anh em chúng tôi theo bà ngoại lên trường tiểu học Quan Thánh, nằm mãi tận trên đỉnh một ngọn đồi gần làng Đồng Sơn, cách bến Hàm Rồng khoảng hơn cây số, vừa là đi học vừa là đi lánh bom đạn của máy bay Pháp oanh tạc hàng ngày. Chúng tôi phải đi qua những con suối cạn nước, hoặc đi dọc theo những con đường mòn đất đỏ bao phủ bởi nhiều cây sậy, cây dứa dại, hay cây bông lau cao ngấp đầu, che hắt lối đi. Anh Kỳ tôi luôn luôn đem theo một cây gậy tre dài để phòng có rắn độc hay rết từ trong bụi rậm bò ra. Chị Mai tôi tuổi Hợi. Chị sợ cạp lắm. Chị luôn luôn đi vào giữa các em mỗi lần đi qua rừng rậm hay qua hang đá. Biết chị nhát vía như vậy mà anh Kỳ vẫn hay dọa chị làm chị sợ hết hồn muốn phát khóc.

Chiều đến, khi mặt trời lặn, chúng tôi theo bà ngoại trở về tiệm. Những bữa cơm chiều ngon miệng do mẹ tôi nấu rất đặc sắc. Gạo trắng, đồ biển tươi lành của xứ Thanh thực chẳng đâu so sánh được. Rồi những trái dưa non mới hái từ trên cây xuống cho chúng tôi hương vị ngọt ngào thanh khiết đặc biệt của xứ Thanh, uống vào thấy mát ruột làm sao! Bên ngọn đèn măng sông thấp sáng, gia đình nhà tôi và cô tôi quây quần bên nhau ăn uống no nê, chuyện trò vui vẻ. Chúng tôi kể lại chuyện ở nhà trường, chuyện học hành cũng như chuyện đi nấp máy bay rất bình thường nhưng lại là điều thích thú mà ai nấy đều muốn chia sẻ và bố tôi kể chuyện buôn bán

trong ngày cho mọi người nghe. Những mẩu chuyện vui vui mà bố tôi thuật lại nghe thực dí dỏm, thực buồn cười - chẳng là đêm đêm bố hay rọi đèn đi kiểm soát trong nhà nên đôi khi đã chứng kiến cảnh mấy bà khách hàng ngủ say sưa ... tặc vấy ngược lên tận đầu...!

Sau bữa cơm chiều tôi thường theo anh Kỳ và mấy người anh em trong họ xuống bến sông bơi lội. Tôi không biết bơi lúc đó, nhưng cứ liều lĩnh ôm lấy cây luồng mà người ta thả lênh bênh bên cạnh những chiếc bè nứa đậu ở bến sông. Cây luồng rỗng ruột nên nổi như chiếc phao do đó tôi có phương tiện quờ quạng học bơi trên mặt nước không sợ bị chìm. Thế là dần dần tôi đã biết bơi hết kiểu này kiểu nọ mà chẳng cần ai chỉ dẫn.

Những đêm trăng sáng, tôi hay theo chị Mai cùng mấy người anh em trong họ xuống bờ sông Hàm Rồng nghe dân địa phương hát đúm, hát đối (kiểu như hát Quan Họ) với những người lái buôn neo thuyền ở bến sông đợi sớm mai xuôi dòng. Cũng đã quá lâu, bây giờ tôi chỉ còn nhớ lơ mơ những câu đối đáp có nhịp điệu và trữ tình thực dễ thương: "*Nước sông Hàm Rồng vừa trong vừa mát. Đường Hàm Rồng lắm cát để đi. Cô ấy vung vẩy làm chi. Để cho anh ấy nay đi mai về ...*"

Sợ nhất khi mùa đông đến, cái lạnh của xứ Thanh thực là khắc nghiệt. Gió Bắc thổi về lạnh đến tái tê. Không có chăn mền để đắp, chiếu cói quá mỏng manh không đủ rộng để phủ kín toàn thân người, lòi đầu lòi đuôi lạnh buốt thấu xương. Ai đã từng sống những ngày đông lạnh giá ở miền Trung với gió heo may, mưa phùn rả rích mới thông cảm nỗi cảnh mùa đông buốt lạnh này. Ai nấy mặt mũi, chân tay, da dẻ rần rúm, nứt

nẻ. Đầu không khăn không mũ, chân không guốc không giày, gót chân người nào người nấy nứt toác máu mà chẳng có thuốc bôi, đất cát nhét vào kẽ nứt lại càng đau thêm. Bà ngoại tôi được ai mách bảo nên chưng mỡ cá rô lên làm thuốc sức nẻ cho các cháu để bôi vào gót chân cho khỏi đau rát. Mỡ cá rô lúc nóng mùi còn thơm thơm, nhưng khi nguội, ôi thôi mùi mỡ tanh tuổi để sợ.

Nói về Hàm Rồng, nơi ghi lại không biết bao nhiêu kỷ niệm buồn vui của gia đình tôi trong thời kỳ lánh nạn chiến tranh mà bây giờ cho dù nhắm mắt lại, tôi vẫn còn hình dung được tất cả ... Đây, cây cầu Hàm Rồng tuyệt mỹ vẫn nằm vắt vẻo ngang qua sông Hàm Rồng (sông Mã), cầu có một nhịp, và là phương tiện thiết yếu duy nhất cho dân chúng thị xã Hàm Rồng và thị xã Núi Ngọc qua lại. Dân địa phương kể chiếc cầu này đã được xây cất bằng nhiều sinh mạng người Nhật. Lúc đầu người ta định xây cầu có móng, nhưng các chuyên viên xây cầu lặn xuống đặt móng đều bị chết chìm dưới lòng sông sâu, sau cùng người ta đành phải xây cầu nổi.

Danh từ Hàm Rồng được nhắc tới rất nhiều tại thị xã này, chẳng hạn như thị xã Hàm Rồng, sông Hàm Rồng, cầu Hàm Rồng và núi Hàm Rồng. Cũng do truyền thuyết thì lúc xưa có con rồng thiêng từ trên trời bay xuống nhả viên ngọc xuống phía cầu bên kia sông Mã rồi nằm lại phía bờ bên này sông tạo thành một rặng núi hùng vĩ. Nhìn từ xa, rặng núi này trông giống như một con rồng khổng lồ nằm uốn khúc, đầu rồng rấp với chân cầu, mình và đuôi rồng uốn lượn vòng quanh một vùng địa phận Thanh Hoá. Còn Núi Ngọc trông xa giống hệt như một viên bích ngọc khổng lồ, thoải thoải từ đỉnh núi xuống chân núi. Cầu Hàm Rồng nằm ngay giữa Núi Ngọc và Núi Hàm Rồng do đó đã bao lần máy bay Pháp

muốn bỏ bom phá hủy cây cầu này mà không được. Thị xã Hàm Rồng còn có một thắng cảnh tuyệt đẹp là hang "Mắt Rồng". Đây là một cái hang vĩ đại có lối đi rộng thênh thang thông suốt từ đầu núi bên này qua đầu núi bên kia. Hang này nằm ngay ở đầu quả núi Hàm Rồng nên người ta cho đó là cặp mắt của con rồng. Một huyền thoại về hang này mà dân địa phương tin rằng Mắt Rồng một bên sáng, một bên chột. Dân làng sinh sống ở phía bên mắt sáng đều làm quan to, hoặc làm ăn khá giả, là điền chủ hoặc thương gia giàu có, còn dân làng sinh sống ở phía bên mắt chột đều nghèo nàn, khổn khó, đi làm thuê, làm mướn, kéo xe tay, xe bò hay sinh sống bằng nghề làm nồi đất và chum vại v.v...

Hang Mắt Rồng này có thể chứa tới hàng ngàn người. Trong hang có nhiều bàn cờ tướng bằng đá nhẵn thín, khắc trạm thực công phu, rải rác tại nhiều nơi và mỗi bàn cờ đều có hai chiếc ghế đá đặt ở hai bên. Các cụ già kể lại, xưa kia có các vị Tiên, vị Thánh từ trời cao giáng thế ngồi đánh cờ tướng với nhau tại đây, mở yến tiệc linh đình .v.v...nên bây giờ vẫn còn để lại di tích. Trên vách đá có nhiều bài thơ khắc bằng chữ nho thật công trình, thực bay bướm tinh vi. Trong thời kỳ chiến tranh (1948-1951), máy bay Pháp thường xuyên oanh tạc khắp các tỉnh miền Trung (chiến khu Tư) nên hang Mắt Rồng được coi là một nơi trú ẩn an toàn cho người dân địa phương.

Đã hơn 60 năm qua đi, bao nhiêu biến đổi của đất nước, tôi nghĩ Hàm Rồng giờ đây chắc hẳn đã thay đổi rất nhiều. Hy vọng về thăm lại chốn xưa vẫn là niềm mơ ước sâu đậm của tôi mặc dầu tôi biết tất cả giờ chỉ là kỷ niệm..

**Ỡ NGUYỄN**

**Maryland, October 22, 2013**

*(Trích " Từ Một Vùng Ký Ức ")*

## Đà Lạt, ngày trắng tháng mật

Ngày bắt đầu cùng nhau xuống phố  
Sương chưa tan còn ngát mặt hồ  
Chuyến xe rau xanh đường vào chợ  
Ngược dốc lên khói nhà mìt mờ.

Vào quán nhỏ mùi thơm quen thuộc  
Cùng nhau chia mẩu bánh đầu ngày  
Trên bàn xinh cánh hồng buổi sáng  
Ly cà phê chuyển ấm đọng hơi tay.

Lên chùa trưa nhìn thông đón nắng  
Bụi quỳ xanh nở lên đoá vàng  
Cô bé cười nghiêng nghiêng mũ lệch  
Mắt hiền ngoan xanh tuổi chứa chan.

Lá cỏ ngậm thơm thơm đầu lối  
Núi xa xa đường ngược vun đầy  
Mây bay thấp ẩm chùng hơi thở  
Sao bỗng thềm mùi vị của mây.

Về phố nghĩ chiều đôi chân mỏi  
Ngồi bực cao đếm bậc thang mòn  
Em nghiêng gánh về tan buổi chợ  
Áo bạc màu thương nắng hoàng hôn.

Đà-Lạt quen loanh quanh những phố  
Ánh đèn khuya rơi rắc sương đêm  
Lại cà phê ngược lên dốc nhỏ  
Tay níu vai lòng bỗng chùng mềm.

**Ý Anh** (Maryland)

## Đêm Đông

Lạc loài đêm xứ lạnh  
Cô quạnh tuổi già nua  
Mang hồn buồn viễn xứ  
Thu rơi lá cuối mùa.

Chập chùng cơn mưa lạ  
Xác xơ ngọn gió đùa  
Kính cầu ai rợn rã  
Gác chuông buồn đong đưa

Dập vùi cơn lốc xoáy  
Lịch sử như gió lửa  
Bàng hoàng thân tị nạn  
Mòn mỗi gót giầy khua.

Đêm tàn đông lạnh giá  
Chông chất nổi đau thừa  
Mơ màng về cố quận  
Bóng chiều xua đuổi xua.

## Đăng Nguyên

Virginia, 10/20/2013



# Những Lời Cầu Nguyện

Mấy lúc này tôi cầu nguyện mỗi ngày. Tôi có hai người bạn đầu đã cạo trọc vì ung thư. Tôi cầu nguyện cho con bệnh biến đi và ngày chia tay không sắp đến. Tôi đã từng mất một số bạn cho bệnh ung thư rồi. Tôi nhớ những người bạn đã ra đi và đôi khi tôi tiếc đã không đi chơi với bạn nhiều hơn. Tôi ráng níu kéo thời gian lại. Tôi cố gắng họp mặt với bạn bè và gia đình. Tôi muốn chia sẻ kỷ niệm để khi chia tay, tôi còn giữ trong tim những kỷ niệm này.

Khi tôi nghĩ đến người thân và bạn bè ở xa, tôi mong được hội ngộ thường xuyên và muốn chúc mọi người an lành cho đến khi gặp lại nhau. Tôi vẫn thích lời cầu nguyện (hay chúc tụng) sau đây từ Ái Nhĩ Lan (an old Irish blessing):

May the road rise up to meet you.  
May the wind always be at your back.  
May the sun shine warm upon your face,  
and rains fall soft upon your fields.  
And until we meet again,  
May God hold you in the palm of His hand.

Tôi xin phỏng dịch:

Xin em đừng mỗi gót chân mềm  
Xin gió đừng bay ngược hướng đi  
Xin nắng êm đềm ấm mắt mơ  
Xin mưa rơi nhẹ trên vườn thảo  
Và đến khi chúng mình gặp lại nhau  
Xin em được che chở trong bàn tay Thượng Đế

Tuy nhiên, lời cầu nguyện này đâu phải chỉ cho những người ở xa. Tôi xin chúc tất cả các bạn xa gần là bước chân các bạn không mỏi, gió không làm trở ngại cuộc hành trình của các bạn, nắng ấm soi trên mặt các bạn, các bạn được toại nguyện trong mọi sự, và các bạn hưởng phước lộc dồi dào.

Tuy có lúc đời sống không được hoàn toàn thỏa mãn, tôi vẫn tin tưởng ở thiên thần, ở sự huyền diệu, và ở đấng thiêng liêng. Tôi mong các bạn của tôi cũng có đầy niềm tin vì tôi nghĩ niềm tin đem đến an bình trong tâm trí. Đây là một bài cầu nguyện khác từ Ái Nhĩ Lan nhắc nhở mọi người là Thượng Đế lúc nào cũng ở bên ta.

May you see God's light on the path ahead  
When the road you walk is dark.  
May you always hear,  
Even in your hour of sorrow,  
The gentle singing of the lark.  
When times are hard may hardness  
Never turn your heart to stone.  
May you always remember  
when the shadows fall,  
You do not walk alone.

Tôi xin phỏng dịch:

Em mong anh thấy ánh ban mai  
Dù con đường anh đi phủ bóng đêm  
Và em muốn tai anh vẫn nghe  
Tiếng hót líu lo của chim vàng

Tuy khi muộn phiền trong trí tưởng  
Và thời gian dường như cay nghiệt  
Thì tình yêu ta vẫn nồng nàn  
Khi anh cảm thấy đời tăm tối  
Tưởng như đường chỉ một mình đi  
Thì anh ơi gót chân Thượng Đế đang dạo kê

Bài trên đây làm tôi nhớ đến chuyện một người trong giấc mơ đã đi dạo với Chúa trên bãi cát bên bờ biển. Khi quay lại nhìn con đường mình vừa đi thì người này thấy bãi cát của cuộc đời mình thông thường có hai dấu chân, một của Chúa và một của mình. Nhưng có nhiều đoạn đường người này chỉ thấy có một dấu chân thôi, mà lại nhất là những lúc khó khăn trong đời sống, những lúc thời gian đen tối đem lại sự nản chí và thất vọng. Người này lấy làm lạ nghĩ không lẽ Chúa lại bỏ rơi mình khi mình khốn khổ cần ngài nhất, nhưng khi hỏi Chúa tại sao lại như thế thì Chúa trả lời rằng những lúc chỉ có một dấu chân là những lúc người này được Chúa nâng lên.

Còn bài cầu nguyện sau đây, cũng từ Ái Nhĩ Lan, chúc mọi người tình thương, tiếng cười, bạn hữu, hạnh phúc, an lành, và mọi sự tốt đẹp trong đời sống hằng ngày.

May love and laughter light your days  
and warm your heart and home.  
May good and faithful friends be yours  
wherever you may roam.  
May peace and plenty bless your world  
with joy that long endures.  
May all life's passing seasons  
bring the best to you and yours.

Tôi xin phỏng dịch:  
Tôi mong tiếng cười và tình yêu đến bạn

Sưởi ấm lòng và ấm cúng gia cư  
Tôi mong bạn gạt nhiều tình nghĩa  
Bất cứ nơi nào bạn có dừng chân  
Tôi mong bạn yên tư trí tưởng  
Và hạnh phúc êm đềm mãi trong tim  
Tôi mong trong suốt thời gian tới  
Bạn và gia quyến ơn lành được ban

Nhưng phỏng mọi người cũng đồng ý đòi phải có chông gai thì ta mới biết được hạnh phúc. Bài dưới đây chúc mọi người thấy rõ hạnh phúc sau chông gai, hoặc tuy chông gai mà vẫn cảm nhận được tình yêu và những cái đẹp thiên nhiên.

May God give you...  
For every storm, a rainbow,  
For every tear, a smile,  
For every care, a promise,  
And a blessing in each trial.  
For every problem life sends,  
A faithful friend to share,  
For every sigh, a sweet song,  
And an answer for each prayer.

Tôi xin phỏng dịch:

Mong cho em được ban nhiều ân huệ.  
Mỗi cơn bão lụt, một cầu vồng.  
Mỗi dòng nước mắt, một nụ hôn.  
Mỗi gánh lo âu, một giấc mơ.  
Phước lành ban cho mỗi muộn phiền.  
Mỗi khi em thấy cần tâm sự,  
Bạn hữu ngồi bên có ngại chi.  
Mỗi tiếng thở dài, bài ca êm ái.  
Và mỗi lời cầu nguyện, Chúa lắng nghe.

Vì tôi thích những bài cầu nguyện Ái Nhĩ Lan nên tôi vào mạng tìm. Tình cờ tôi thấy bài "Do Not Stand at My Grave and

Weep.” Bài này không phải là một bài cầu nguyện nhưng tôi rất thích. Khi tôi tìm tòi thêm về nguồn gốc của bài này thì hiểu đây là một bài thơ mà đã từ lâu không biết tác giả là ai. Theo nhiều tài liệu nghiên cứu thì bài thơ này được viết bởi bà Mary Elizabeth Frye vào năm 1932 cho một người bạn không có dịp gặp mẹ trước khi mẹ mất và không nhìn thấy mộ của mẹ. Người bạn của bà Mary than thở với bà là đã không được khóc ở mộ mẹ. Sau đó bà Mary cảm hứng làm bài thơ dưới đây cho bạn. Bài thơ đã được phổ biến toàn cầu và đã được chọn đọc trong nhiều lễ tang. Bài thơ hẳn đã an ủi được những người ở lại một phần nào.

Do not stand at my grave and weep,  
I am not there; I do not sleep.  
I am a thousand winds that blow,  
I am the diamond glints on snow,  
I am the sunlight on ripened grain,  
I am the gentle autumn rain.  
When you awaken in the morning's hush  
I am the swift uplifting rush  
Of quiet birds in circled flight.  
I am the soft stars that shine at night.  
Do not stand at my grave and cry,  
I am not there; I did not die.

Tôi xin phỏng dịch:

Xin em đừng khóc bên mộ tôi.  
Tôi đã bay xa, tôi đâu nằm yên giấc.  
Tôi là gió thổi, là mây bay,  
Là lóng lánh kim cương trên tuyết trắng,  
Là ánh sáng mặt trời trên lúa chín.  
Tôi là mưa mùa thu rơi nhẹ nhẹ.  
Khi em tỉnh dậy bình minh còn yên tĩnh,  
Thấy những con chim tung cánh bay—

S 65

Đó là tôi rạo rục chuyển dạo chơi.  
Tôi là ngôi sao chiếu sáng ban đêm.  
Em ơi đừng khóc bên mộ tôi.  
Tôi đâu có đó, tôi vẫn còn đây.

Rồi một ngày nào đó, mỗi người trong chúng ta cũng sẽ phải ra đi. Thời gian không đứng hoài ở một nơi, nhưng đó cũng là một cái đẹp của cuộc đời. Tuy nhiên ra đi cũng có thể không có nghĩa là vĩnh viễn. Người ra đi vẫn trong tâm trí ta vì kỷ niệm còn kia. Người ra đi vẫn sống và mãi mãi nằm trong tim ta. Ta có cần phải khóc cho người đi không hay là khóc chỉ để cho ta? Tôi, tôi sẽ khóc.

**Diễm Trân**  
Virginia, 11/2013



**HAPPY TẾT**

77